

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



PREMIUM CEMENT
Lam Thach

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN QNC NĂM 2020

Quảng Ninh, tháng 05 năm 2020

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN QNC NĂM 2020

TT	TÊN TÀI LIỆU
1	Chương trình Đại hội cổ đông 2020
2	Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông 2020 (721)
3	Quy chế bầu cử HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 (720)
4	Báo cáo của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông 2020 (718)
5	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc tại Đại hội đồng cổ đông 2020
6	Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông 2020 (719)
7	Tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (724)
8	Tờ trình Về việc hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu Công ty QNC từ sàn HNX và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom (725)
9	Tờ trình về việc thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, sửa đổi , bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động Công ty (723)
10	Tờ trình Danh sách nhân sự ứng cử/đề cử bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025 (722)
11	Tờ trình các nội dung dự kiến trình biểu quyết tại Đại hội cổ đông 2020 (726)
12	Dự thảo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH (QNC)

Thời gian: ½ ngày, từ 7 giờ 00 ngày 31 tháng 05 năm 2020

Địa điểm: Khách Sạn Marina Bay Côn Đảo (Địa chỉ: Đường Nguyễn Huệ, Khu 5, Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Thực hiện
1	7:00 – 7:30	Đăng ký tham dự đại hội	Ban tổ chức
3	7:30 – 7:35	Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu	Nguyễn Ngọc Anh
3	7:35 – 7:40	Khai mạc Đại hội	TBKS Công ty
4	7:40 – 7:50	<ul style="list-style-type: none"> o Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Chủ tọa điều hành Đại hội, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu và thông qua chương trình Đại hội; o Thông qua các quy chế tổ chức của Đại hội 	Hoàng Kông
5	7:50 - 8:30	<p>Các báo cáo tại Đại hội:</p> <p>Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS Công ty năm 2019, nhiệm kỳ 2015 – 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 – 2025; Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020; Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019; Thông qua báo cáo đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán 2020;</p>	1. Chủ tịch HĐQT 2. TGD 3. Trưởng BKS
6	8:30 – 9:30	<p>Trình Đại hội biểu quyết thông qua:</p> <ul style="list-style-type: none"> o Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS Công ty năm 2019, phương hướng nhiệm vụ năm 2020; nhiệm kỳ 2015 – 2020 và nhiệm kỳ 2020 – 2025. o Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020; Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019; Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020; Thông qua một số nội dung Nghị quyết HĐQT Công ty trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019. o Thông qua việc triển khai và hoàn thiện các thủ tục với cơ quan quản lý Nhà nước về việc tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh lên mức 49%; o Thông qua các nội dung liên quan đến Phương án phát hành Cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty năm 2020; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty và Quy chế quản trị Công ty; Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ ngành nghề kinh Công ty cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật. o Thông qua việc Hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom o Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ 	<p>Thư ký Đại hội Đọc các nội dung cần biểu quyết và các tờ trình</p> <p>Chủ tọa Đề nghị Đại hội biểu quyết thông qua từng nội dung của ĐH</p>
7	9:30 – 9:50	<p>Bầu Thành viên HĐQT, TV BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025;</p> <p>Đại hội tiến hành bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty</p>	Ban kiểm phiếu
8	9:50 – 10:15	Nghỉ giải lao	
9	10:15 – 09:40	Thảo luận	Chủ tọa
10	10:40 – 10:50	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS	Đại diện BKP
11	10:50 – 11:15	HĐQT, BKS Bầu chủ tịch HĐQT, TBKS và các chức danh thuộc HĐQT và BKS	HĐQT, BKS
12	11:15 – 11:30	Thông qua Biên bản, Nghị quyết tại Đại hội	Thư ký, Chủ tọa
13	11:30	Bế mạc, kết thúc Đại hội	Ban Tổ chức



CORPORATION

Số: 721/QC-ĐHCD

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Địa chỉ: Đường Nguyễn Huệ, Phường Trưng Vương, Quận Trưng Vương, TP. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 031.351.1111

Website: www.qncc.vn

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2020

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên QNC diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên QNC đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của QNC.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông (Điều 19 – Điều lệ công ty)

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.



Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của QNC và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 11/05/2020 do VSD cung cấp) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự;
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép.
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của QNC
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng quản trị (HDQT) được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:
Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 01 người; Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);



CORPORATION

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**

Đường Thanh Phương, Phường Nam,

Thị trấn Yên Định, Quảng Ninh

ĐT: 0203.668.157 / Fax: 0203.668.354

- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
- c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;
- e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông QNC được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
- Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Thư ký Đại hội;
- Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu và chuyển cho Ban Thư ký;
- Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;



CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Khu công nghiệp Xi măng Quảng Ninh,
Huyện Yên Hưng, Quảng Ninh
TỈNH QUẢNG NINH, VIỆT NAM

- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đăng ký thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được QNC trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu bầu cử.
- Thẻ biểu quyết được Công ty in, và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội. Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Thành viên HĐQT; Thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung trình đại hội trong chương trình.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết các phương án lựa chọn tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.

3. Thẻ lệ biểu quyết



CORPORATION

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**

Khu Hiệp Thành, Phường Hiệp Thành, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Tên Công ty tiếng Anh: QNC

ĐT: 0282.566855 / Fax: 0282.566854

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 2, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

4. Bầu cử thành viên HĐQT, BKS Công ty:

Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ QNC và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông QNC biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS Công ty;
- TGD, các PTGD Công ty;
- TTĐU, TTCĐ Công ty;
- Các phòng ban/đơn vị trực thuộc Công ty;
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY



Đỗ Hoàng Phúc

Số: 720/QCBC-ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2020

**QUY CHẾ BẦU CỬ BẦU
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
NHIỆM KỲ 2020 -2025
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Điều 2. Số lượng thành viên HĐQT, thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025 cần bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, cụ thể:

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu: 05 thành viên
- Số lượng thành viên BKS cần bầu: 03 thành viên

Điều 3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị (Khoản 1 - Điều 151 Luật doanh nghiệp)

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Điều 4. Đề cử ứng viên Hội đồng quản trị (Khoản 2 – Điều 26 – Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị cụ thể:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;





CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Số 101, Đường Nguyễn Huệ, Thành phố Vinh, Nghệ An

Tên tiếng Anh: QNC Corporation

ĐT: 0233.668.155 - Fax: 0233.668.154

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Điều 5. Tiêu chuẩn của thành viên Ban kiểm soát (Khoản 1 - Điều 164 Luật doanh nghiệp)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 6. Đề cử ứng viên Ban kiểm soát (Khoản 2 – Điều 37 – Điều lệ công ty)

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát cụ thể:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu bổ sung vào HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin đề cử tham gia HĐQT/BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Một trong các giấy tờ sau: Bản sao CMTND/ Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài;
- Các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn (nếu có).

Điều 8. Lựa chọn các ứng viên (Khoản 3 – Điều 26 và Khoản 3 – Điều 37 – Điều lệ công ty)

Dựa vào Giấy ứng cử/đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Đại hội cổ đông của Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội cổ đông để bầu thành viên HĐQT, BKS. Chỉ những hồ sơ đề cử/ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT, BKS mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại Đại hội.

Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT, BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT, BKS đương nhiệm có thể đề cử ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định.

Điều 9. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu; Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

Danh sách ứng cử viên bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách ứng viên đề bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát, Ban tổ chức sẽ sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu hoặc Đại hội đồng cổ đông thống nhất việc các cổ đông sẽ tự điền tên các ứng viên vào phiếu bầu do ban tổ chức phát.

Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

Phiếu bầu được in thống nhất, Phiếu màu VÀNG : là phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự; Phiếu màu xanh : là phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*) và phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);

Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ

Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội.

Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông; Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Tổ trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội;
- Các phiếu bầu sau khi đã kiểm được lưu giữ tại trụ sở Công ty.

02/23
CỔ ĐÔNG
PHẦN
XÍ MĂNG VÀ
XÂY DỰNG
QUẢNG NINH
31-T.QUY

Điều 10. Phương thức bầu cử, nguyên tắc trúng cử (Khoản 3 – Điều 21 – Điều lệ công ty)

a. Phương thức bầu cử

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục đính kèm theo Quy chế này):

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và số thành viên được bầu của Ban kiểm soát;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

b. Nguyên tắc trúng cử

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định nhưng phải đạt được số phiếu hợp lệ tương ứng với ít nhất một quyền bầu cử của cổ đông dự họp.

Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo dự kiến do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì ứng viên nào có tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của QNC nhiều hơn sẽ được lựa chọn và trúng cử vào thành viên HĐQT, BKS.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 12. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Quy chế này gồm có 12 Điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đỗ Hoàng Phúc

**PHỤ LỤC HƯỚNG DẪN BẦU THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NHIỆM KỲ 2020 - 2025
(Theo phương thức bầu dồn phiếu)**

Loại phiếu bầu:

Phiếu màu VÀNG : là phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Phiếu màu XANH : là phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát;

Bỏ phiếu:

Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được bỏ vào thùng phiếu niêm phong.

Ghi phiếu bầu:

Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu bổ sung của Hội đồng quản trị và số thành viên được bầu bổ sung của Ban kiểm soát.

Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn toàn bộ phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

Ví dụ:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 05 ứng viên bầu thành viên Hội đồng quản trị trong tổng số 06 ứng viên. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 10.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$10.000 \text{ cổ phần} \times 5 = 50.000 \text{ Phiếu bầu}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều số phiếu bầu của mình cho 5 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 10.000 phiếu bầu)

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn 1	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000
2	Nguyễn Văn 2	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000
3	Nguyễn Văn 3	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000
4	Nguyễn Văn 4	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000
5	Nguyễn Văn 5	<input checked="" type="checkbox"/>	10.000
6	Nguyễn Văn 6	<input type="checkbox"/>	

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn toàn bộ phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)

1	Nguyễn Văn 1	<input checked="" type="checkbox"/>	50.000
2	Nguyễn Văn 2	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn 3	<input type="checkbox"/>	
4	Nguyễn Văn 4	<input type="checkbox"/>	
5	Nguyễn Văn 5	<input type="checkbox"/>	
6	Nguyễn Văn 6	<input type="checkbox"/>	

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 5 ứng viên (Nhưng không đều nhau)

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn 1	<input type="checkbox"/>	20.000
2	Nguyễn Văn 2	<input type="checkbox"/>	10.000
3	Nguyễn Văn 3	<input type="checkbox"/>	5.000
4	Nguyễn Văn 4	<input type="checkbox"/>	5.000
5	Nguyễn Văn 5	<input type="checkbox"/>	5.000
6	Nguyễn Văn 6	<input type="checkbox"/>	5.000

5. Phiếu bầu không hợp lệ

Phiếu không theo mẫu quy định.

Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Nguyễn Văn 1	<input type="checkbox"/>	20.000
2	Nguyễn Văn 2	<input type="checkbox"/>	10.000
3	Nguyễn Văn 3	<input type="checkbox"/>	5.000
4	Nguyễn Văn 4	<input type="checkbox"/>	10.000
5	Nguyễn Văn 5	<input type="checkbox"/>	5.000
6	Nguyễn Văn 6	<input type="checkbox"/>	9.000

Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
VÀ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Quảng Ninh, tháng 5 năm 2020

Số: 718/BC-HĐQT

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính thưa các Quý vị Đại biểu !
Thưa các quý vị cổ đông QNC !
Thưa toàn thể Đại hội!

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC), Tôi xin gửi đến tất cả Quý đại biểu, Quý vị cổ đông lời chào trân trọng nhất cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trong nhiệm kỳ 2015 -2020, Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là năm 2016, 2017, 2018. Thị trường tiêu thụ sản phẩm cạnh tranh khốc liệt (cả nội địa và xuất khẩu), chi phí đầu vào như: điện, than, nguyên vật liệu, xăng dầu diễn biến phức tạp và tăng cao, trong khi giá bán sản phẩm thì đi ngang, tăng không đáng kể, chính sách của nhà nước thì thay đổi liên tục, dịch bệnh bùng phát ...đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của công ty...Trước tình hình đó HĐQT Công ty đã liên tục triển khai nhiều giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ cho từng giai đoạn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty. Tập thể Cán bộ công nhân viên lao động trong toàn Công ty luôn thống nhất đoàn kết, nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, thách thức, linh hoạt trong điều hành, chỉ đạo và tổ chức sản xuất, tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, tăng cường công tác quản lý, tiết giảm chi phí, thực hiện tái cơ cấu nhân lực, tái cơ cấu nguồn vốn, đổi mới mô hình quản trị...

Hội đồng Quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban điều hành, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm và tính năng động, sáng tạo của tập thể CBCNV, người lao động Công ty, đặc biệt là sự ủng hộ của Quý cổ đông và sự tin tưởng gắn bó, hỗ trợ, đồng hành của các tổ chức tín dụng như: BIDV CN Tây Nam Quảng Ninh, Agribank CN tỉnh Quảng Ninh và VCB CN Quảng Ninh.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Giai đoạn từ năm 2015 tới nay, bám sát chủ trương, chính sách, đường lối của Nhà nước; Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, QNC chủ động khắc phục những tồn tại hạn chế, khó khăn trong hoạt động, không ngừng đổi mới mô hình quản trị, thay đổi bộ máy tổ chức nhân sự; tập trung cho lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh chính, thực hiện các giải pháp tăng năng suất, chất lượng, tiết giảm chi phí.

Trong những năm qua, đặc biệt giai đoạn 2018 - 2019, QNC ưu tiên nguồn lực, thực hiện kiện toàn bộ máy mô hình tổ chức, đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng, dây chuyền thiết bị, tạo nền tảng cho phát triển hoạt động kinh doanh theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả trong giai đoạn 2020 -2025. Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của QNC trong giai đoạn năm 2018, 2019 có sự tăng trưởng tích cực, mô hình tổ chức và quản trị điều hành đã dần được hoàn thiện, chi phí hoạt động được kiểm soát hiệu quả. Kết quả năm 2016 lỗ 64,29 tỷ đồng, năm 2017 lỗ 253,84 tỷ đồng; năm 2018 lãi 0,61 tỷ đồng, năm 2019 lãi 73,54 tỷ đồng.

Tổng tài sản đến hết năm 2019 là 1.495 tỷ đồng tăng 10,6 tỷ đồng so với năm 2018 là 1.485 tỷ đồng).

2. Kết quả một số chỉ tiêu kinh doanh chính:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾT QUẢ				
			2015	2016	2017	2018	2019
1	Doanh thu	Tỷ đồng	913	1.072	960	1.145	1.373
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	(3,36)	(67,39)	(222,55)	(33,26)	72,49
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,12	(62,57)	(253,83)	3,36	73,56
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	2,74	(63,34)	(253,84)	0,61	73,54
5	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	2,16	(64,96)	(253,86)	0,57	73,50
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	32	(3.534)	(10.609)	15	1.980

3. Một số chỉ tiêu khác tính đến 31/12/2019:

- Nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 644,2 tỷ VNĐ;
- Lỗ lũy kế là 263,7 tỷ đồng tương ứng 70,9% vốn góp của chủ sở hữu.
- Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn chủ sở hữu là 11,2 lần.
- Nợ phải trả /Tổng tài sản là 0,91lần.
- Tổng nợ phải trả của Công ty là 1.377 tỷ đồng giảm so với đầu năm là 62,87 tỷ đồng trong đó: Nợ ngắn hạn là 1.111 tỷ đồng tăng 20 tỷ đồng so với đầu năm, Nợ dài hạn là 265 tỷ đồng giảm so với đầu năm 82,93 tỷ đồng.

PHẦN THỨ HAI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Hàng năm, Hội đồng Quản trị QNC đã tiến hành các phiên họp, Nội dung các phiên họp luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của HĐQT vào thực tế kinh doanh của Công ty.

2. Hoạt động chung của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời góp phần vào việc giữ vững và ổn định sản xuất cho Công ty, đổi mới công nghệ, tiết kiệm chi phí tăng cường công tác quản trị, sắp xếp lại bộ máy quản lý, tiết giảm nhân lực từng bước ổn định sản xuất kinh doanh. Thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn vay.

Tập trung tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thực hiện tốt các lĩnh vực quản lý, điều hành và tổ chức sản xuất, kỹ thuật công nghệ, phù hợp với tình hình thực tiễn, tăng cường công tác tiêu thụ sản phẩm, quản lý sản xuất chặt chẽ vật tư nguyên nhiên liệu đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí.

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị:

Các thành viên HĐQT đều ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình một cách trung thực, tập trung, cẩn trọng vì quyền lợi của các cổ đông và của QNC.

Hội đồng quản trị Công ty luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao; Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện xây dựng kế hoạch SXKD trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định.

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động SXKD theo chỉ tiêu kế hoạch năm.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên và Nghị quyết của HĐQT.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- HĐQT Công ty đã luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định, cụ thể:

- Năm 2015: Tổ chức ngày 26/04/2015; Nghị quyết số: 39/NQ-ĐHCĐ.

- Năm 2016: Tổ chức ngày 08/04/2016; Nghị quyết số: 41/NQ-ĐHCĐ.

- Năm 2017: Tổ chức ngày 19/06/2017; Nghị quyết số: 96/NQ-ĐHCĐ.

- Năm 2018: Tổ chức ngày 29/06/2018; Nghị quyết số: 99/NQ-ĐHCĐ.

- Năm 2019: Tổ chức ngày 20/05/2020; Nghị quyết số: 19/NQ-ĐHCĐ.

Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.



Thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty chú trọng công tác quản trị, hoạt động của Ban Kiểm soát, HĐQT, bộ phận quản lý, phát huy vai trò quan trọng trong hoạt động giám sát của QNC, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, các cổ đông và đối tác, bạn hàng cũng như quyền lợi của người lao động. Hội đồng quản trị QNC duy trì nề nếp các cuộc họp thường kỳ đảm bảo chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo luật định.

4. Tình hình vốn Điều lệ:

a) *Vốn điều lệ/cơ cấu cổ đông tại thời điểm 11/05/2020:*

+ Vốn điều lệ: 387.219.090.000 đồng; Tổng số: 38.721.909 cổ phần.

+ Cổ phiếu quỹ: 68.000 cổ phần.

5. Về tình hình tăng vốn điều lệ giai đoạn 2015 - 2019:

+ Vốn điều lệ tại thời điểm năm 2015: 184.511.090.000 đồng.

+ Vốn điều lệ tại thời điểm tháng 3/2020: 387.219.090.000 đồng.

+ Chi tiết các đợt phát hành từ 2015 - 2020:

TT	NĂM	HÌNH THỨC TĂNG VỐN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN PHÁT HÀNH	MỆNH GIÁ PHÁT HÀNH	GIÁ TRỊ VỐN SAU PHÁT HÀNH	TỶ LỆ SO VỚI VDL TRƯỚC ĐÓ (%)
1	Năm 2015					
2	Năm 2016	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	6.730.000	10.000	67.300.000.000	36,47%
3	Năm 2017	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	12.000.000	10.000	120.000.000.000	47,65%
4	Năm 2018					
5	Năm 2019	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	1.504.800	10.000	15.408.000.000	4,14%
Tổng cộng			20.234.800		202.708.000.000	109,86%

PHẦN THỨ HAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHI THÙ LAO CHO HĐQT, BKS NĂM 2019

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty(QNC) năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC). Số: 310320.007/BCTC.KT5; Số: 310320.008/BCTC.KT5, lập ngày 31/03/2020.

II. PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT, BKS CÔNG TY:

1. Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2019.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 Công ty dự kiến chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế, mặc dù năm 2019 kết quả đã có lãi, tuy nhiên lũy kế đến hết năm 2019 lợi nhuận vẫn âm, do vậy thống nhất năm 2019 không thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS Công ty.

2. Phương án chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2020.

Căn cứ tình hình thực tế chi trả thù lao năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020 và kế hoạch hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh đề xuất: Phương án chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2020 với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế.

PHẦN THỨ BA PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020 VÀ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Bước vào năm 2020, khủng hoảng kinh tế do đại dịch Covid-19, hầu hết các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tiêu thụ sản phẩm sụt giảm, tình hình hoạt động sản xuất cầm chừng, khó khăn, nhiều đơn vị dừng hoạt động, phá sản, QNC xác định mục tiêu giữ vững ổn định sản xuất, tiếp tục phát huy thế mạnh, chung sức chung lòng, đồng tâm hiệp lực. Phần đầu hoàn thành tốt các kế hoạch SXKD năm 2020 cũng như chiến lược của Công ty.

1. Định hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tập trung nguồn lực triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, chất lượng sản phẩm; phát triển hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn, bền vững và minh bạch, dựa trên nguồn lực con người và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống dây chuyền thiết bị máy móc, đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm cụ thể:

- Đổi mới hệ thống quản trị phù hợp, đặc biệt nâng cao chất lượng công tác quản lý, quản trị, hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ để kiểm soát có hiệu quả, đặc biệt phát hiện kịp thời và phòng ngừa, xử lý các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo đến năm 2025, vốn điều lệ đạt trên 500 tỷ đồng.

- Tối ưu hóa trong sử dụng vốn và nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề làm gia tăng giá trị doanh thu/lợi nhuận; thực hiện cơ cấu lại các công ty con, các khoản đầu tư theo hướng nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động; tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư, giảm tỷ lệ sở hữu các đơn vị có hiệu quả hoạt động thấp.

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn mô hình bộ máy tổ chức nhân lực; Thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất lao động; Đào tạo, phát triển bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, tay nghề nhằm xây dựng đội ngũ CBCNV có năng lực/chuyên môn tốt, sẵn sàng đảm nhiệm và giải quyết, thực hiện nhiệm vụ công việc được bố trí/phân công.

- Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, chi phí hoạt động, triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường cơ chế giám sát nội bộ và công tác quản trị chi phí.

2. Định hướng một số chỉ tiêu tài chính cho giai đoạn 2020 -2025

Hàng năm, HĐQT sẽ chỉ đạo xây dựng kế hoạch kinh doanh và trình ĐHCĐ xem xét phê duyệt các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản, đảm bảo phù hợp với

năng lực vốn và định hướng kinh doanh từng năm. Định hướng một số chỉ tiêu cơ bản cho giai đoạn 2020 -2025 như sau:

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, những chỉ tiêu năm 2020, các năm tiếp theo phấn đấu mức tăng trưởng hàng năm từ 3% đến 10 % / năm.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động và kết quả SXKD năm 2019, nhiệm kỳ 2015 - 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 -2025, Để vượt qua những khó khăn, thách thức trong giai đoạn hiện nay, Hội đồng quản trị mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ và cam kết gắn bó lâu dài của các Quý cổ đông, các đối tác và tập thể cán bộ công nhân viên lao động QNC.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông, cảm ơn toàn thể Đại hội !

Nhân dịp này, tôi xin được kính chúc Quý vị Đại biểu, các quý cổ đông cùng thể Đại hội sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng cảm ơn !

CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY



Đỗ Hoàng Phúc



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**

Khu Hợp Thành, Phường Phước Bình,
TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
ĐT: 02033.260295 / Fax: 02033.669354

BÁO CÁO
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Quảng Ninh, tháng 5 năm 2020



Số: 727/BC-BĐH

Uông Bí, ngày 20 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính thưa các Quý vị Đại biểu !
Thưa các quý cổ đông QNC !
Thưa toàn thể Đại hội!

Trong giai đoạn 2015 -2020, là những năm với nhiều khó khăn, thách thức, thị trường tiêu thụ sản phẩm và giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động nhiều, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của của Công ty.

Tuy nhiên với sự tập trung lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt, sâu sát, linh hoạt, kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc điều hành, sự đoàn kết thống nhất, của tập thể CBCNV- LĐ QNC, phát huy sức mạnh nội lực, khắc phục khó khăn, chủ động triển khai mạnh mẽ các giải pháp, tăng cường quản lý, tiết giảm chi phí, thực hiện tái cơ cấu nguồn vốn và nhân lực... Cùng với sự quan tâm tạo điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ của và các cơ quan chính quyền và sở ban ngành trong tỉnh, sự hỗ trợ, đồng hành của các tổ chức tín dụng, ngân hàng ... Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cơ bản vẫn giữ được ổn định, đảm bảo việc làm cho người lao động, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch năm, tuy nhiên nhiều chỉ tiêu còn thấp, chưa đạt so với kế hoạch.

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾT QUẢ
			NĂM 2019
1	Kết quả kinh doanh hợp nhất		
+	Tổng doanh thu	Đồng	1.388.642.963.204
+	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	73.567.484.421
+	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	73.501.246.865
2	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Đồng	
+	Tổng doanh thu	Đồng	1.387.617.209.210
+	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	73.503.847.125
+	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	73.503.847.125

3	Nộp ngân sách	Đồng	50.228.590.809
4	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	8.900.000

2. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được (2015 -2019)

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔNG SẢN LƯỢNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2019	SẢN LƯỢNG BÌNH QUÂN/NĂM
1	Tổng doanh thu	Đồng	5.457.483.073.086	1.091.496.614.617
2	Nộp ngân sách	Đồng	218.716.784.231	43.743.356.846
3	Thu nhập bình quân	Đồng	-	7.160.000

3. Đánh giá chung:

Trong những năm qua (nhiệm kỳ 2015 -2020), Công ty đã tập trung tái cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh; Sắp xếp lại nhân lực lao động; Tổ chức lại bộ máy của Hội đồng quản trị, ban điều hành. Đặc biệt từ năm 2018, 2019, Công ty dần ổn định bộ máy điều hành cấp cao, có những chủ trương định hướng rõ ràng về sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Công ty có chủ trương tăng tỷ trọng tiêu thụ xi măng, năm 2019 tăng so với năm 2018 là 24,26%; trong khi giảm sản lượng tiêu thụ clinker năm 2019 đã giảm 20,15%. Kế hoạch năm 2020 tiếp tục giảm xuất bán clinker, tăng tỷ trọng tiêu thụ xi măng theo chủ trương của tỉnh.

a) Lĩnh vực sản xuất xi măng:

Thực hiện quản lý tốt các chi phí sản xuất như giảm chi tiêu tiêu hao nguyên liệu như than, điện, tăng tổng phụ gia trong xi măng, sử dụng phụ gia giá rẻ như tro đáy nhiệt điện, đá vôi mỏ Phương Nam để thay thế dần cho đá vôi đen có giá mua cao. (tổng phụ gia trong xi măng chiếm 29,10%, tăng 7,78% so với năm 2018).

Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị trong dây chuyền sản xuất, tăng năng suất hoạt động của các thiết bị, tăng thời gian chạy lò, giảm thời gian chạy các thiết bị phụ trợ nhưng vẫn đáp ứng được sản lượng yêu cầu.

Đầu tư và đưa vào hoạt động dây chuyền đồng nhất than, sử dụng than mỏ Đông Tràng Bạch để nâng cao chất lượng đưa vào sản xuất xi măng giảm giá thành sản xuất clinker.

Công tác tiêu thụ sản phẩm được mở rộng thị trường, tăng tỷ trọng tiêu thụ xi măng, giảm tỷ trọng tiêu thụ clinker. Trong năm đã đưa dòng sản phẩm MC25 ra thị trường từ tháng 11, bước đầu dòng sản phẩm này được thị trường đón nhận.

Từ những giải pháp đồng bộ nêu trên nên các chỉ tiêu sản xuất xi măng được cải thiện, năng suất tăng, chất lượng được đảm bảo.

b) Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản:

Sản lượng khai thác than mỏ Đông Tràng Bạch, than nhận thầu khai thác Vàng Danh, sản lượng đá vôi có tỷ lệ tăng trưởng cao so với các năm trước. Than mỏ Đông Tràng Bạch lần đầu tiên kể từ khi được cấp mỏ đã được đưa về cho sản xuất xi măng.

Hoàn thành cơ bản các thủ tục hồ sơ về giải phóng mặt bằng, về chuyển đổi đất rừng, về thuê đất của mỏ sét Núi Na, dự kiến trong quý 2//2020 có thể triển khai khai thác mỏ.

Các mỏ khoáng sản khác như mỏ đá vôi Hà Phong, mỏ sét Mắt Rồng đã hoàn thiện các hồ sơ theo quy định để đóng cửa mỏ.

Khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo công suất được cấp phép; Nộp đầy đủ các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản.

Hoàn thiện các thủ tục hồ sơ về đất đai như lập lại Quy hoạch chi tiết xây dựng khu Nhà máy xi măng Lam Thạch; gia hạn thuê đất các thửa đất hết hạn; trả lại các thửa đất không có nhu cầu sử dụng; điều chỉnh giá thuê đất, làm các hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Công tác kinh doanh, tài chính:

Công ty tiếp tục duy trì ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với các khách hàng truyền thống, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm; đa dạng hoá hình thức tiêu thụ; thực hiện tốt việc giao nhận hàng đúng theo hợp đồng ký kết.

Trong bối cảnh giá bán sản phẩm cạnh tranh, không tăng được giá bán, Ban điều hành đã đề ra nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, năng suất thiết bị, làm việc hiệu quả, đồng thời thực hiện các biện pháp quản lý giá thành sản phẩm, chỉ tiêu trong kế hoạch, kiểm soát chi phí trong sản xuất.

Thực hiện kiểm kê định kỳ hàng tháng, đánh giá số lượng, chất lượng, đánh giá công tác nhập xuất, bảo quản vật tư, nguyên liệu, sản phẩm.

Thực hiện báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, sáu tháng và hàng năm kịp thời, công bố thông tin đúng thời hạn. Báo cáo tài chính được lập trung thực, phản ánh đúng tình hình tài chính Công ty.

5. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Công ty tập trung giải quyết những tồn tại, vướng mắc, hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan các dự án hạ tầng khu vực Cẩm Phả và Uông Bí:

- Dự án Khu dân cư Đông Yên Thanh: Đã hoàn tất thi công hạ tầng kỹ thuật và kinh doanh giai đoạn I, hiện Công ty đang xin gia hạn triển khai giai đoạn II.

- Dự án khai thác đất sét Núi Na (Sông Khoai, Yên Hưng, Quảng Ninh), công ty đã được cấp giấy phép, hiện đã GPMB và đang làm thủ tục xin thuê đất để khai thác phục vụ nhu cầu SX xi măng. Giá trị đầu tư dự kiến 20 tỷ đồng.

- Đối với dự án mở rộng cảng Lam Thạch: Công ty đang triển khai san lấp và xây dựng các hạng mục công trình chính và phụ trợ, giá trị đầu tư dự án khoảng 80 tỷ đồng..

- Đối với dự án Nhà máy Sản xuất bao bì: hiện đang trong giai đoạn tư vấn thiết kế và lựa chọn nhà thầu thi công, cung cấp thiết bị, công suất 60 tr vỏ/năm, giá trị đầu tư 180 tỷ đồng.

- Đối với dự án lắp đặt bổ sung nâng công suất dây truyền đồng nhất than tại NMXM Lam Thạch hiện đã đưa vào sử dụng tăng giá trị tài sản, tổng mức đầu tư 35 tỷ đồng. Hiện sản phẩm đồng nhất than đang phục vụ sản xuất xi măng.

- Đối với dự án xây dựng và lắp đặt xưởng cơ khí: hiện đang lắp dựng, dự kiến hoàn thành 30/06/2020. Tổng mức đầu tư trên 70 tỷ đồng.

II. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

1. Tình hình lao động:

a) Cơ cấu lao động: (Tính tại thời điểm 30/4/2020)

TT	Diễn giải	Số lượng	Nam	Nữ	Tỷ lệ (%)
1	Tổng lao động	572	420	152	
2	Số tham gia BHXH	526			91,96
3	Số không tham gia BHXH	46			8,04
	Phân loại trình độ				

4	Thạc sỹ	6	5	1	1,05
5	Đại học	156	114	42	27,27
6	Cao đẳng, Trung cấp	93	65	28	16,26
7	CNKT	212	167	45	37,06
8	LĐPT	105	69	36	18,36
	Phân loại lao động				
9	Lao động gián tiếp	90	54	36	15,73
10	Lao động trực tiếp	482	366	116	84,27
	Phân loại HĐ lao động				
11	Không xác định thời hạn	378	117	261	66,08
12	Xác định thời hạn	165	28	137	28,85
13	Thử việc	28	21	7	4,90
14	Khoán	1	1	0	0,17

b) Về thu nhập bình quân:

Diễn giải	Thu nhập bình quân của CBCNV				
	2015	2016	2017	2018	2019
Thu nhập bình quân	5.500.000	6.500.000	6.700.000	8.200.000	8.900.000
Tỷ lệ tăng năm sau so với năm trước	103,77%	118,18%	103,08%	122,39%	108,54%
Bình quân 5 năm	7.160.000				

c) Về chế độ chính sách và chăm lo đời sống người lao động:

- Thu nhập bình quân năm 2019 toàn Công ty đạt 8.863.000 đồng/người/tháng, tăng 9,2% so với năm 2018. Trong đó khối sản xuất đạt bình quân: 9,525 triệu đồng, khối phòng ban nghiệp vụ đạt 6,052 triệu; (thu nhập bình quân cao nhất là 25 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân thấp nhất là 4,070 triệu đồng/người/tháng).

- Năm 2019 đã tổ chức thăm quan nghỉ mát tại cho CBCNV Công ty (tại Sapa Lào Cai 2 đêm 3 ngày, vui tươi, ý nghĩa) đảm bảo vượt trên 40% tỷ lệ theo quy định của thỏa ước lao động tập thể với tổng số tiền: 625.365.400 đồng.

- Chi chế độ cho CNVCLĐ Công ty nhân ngày Tết dương lịch, Giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày 30/4 & 1/5 và ngày Quốc khách 2/9, (500.000 đồng/người/dịp Lễ), với tổng số tiền năm 2019: 969.900.000 đồng.

- Hỗ trợ bổ sung lương tháng (tiền Tết Kỷ Hợi năm 2019) cho CBCNV bình quân mức: 3.861.000đ/người, với tổng số tiền: 1.963.000.000 đồng. CNLĐ phải làm việc trong dịp tết được Công ty chi trả 200-300% tiền lương và vật chất để đón xuân.

- Thực hiện xây dựng hệ thống thang bảng lương theo quy định của Luật lao động 2012 và Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ.

- Thường xuyên duy trì mức ăn ca công nghiệp, đảm bảo chất lượng, định lượng cho người lao động (Công ty thực hiện chi 100% tiền ăn ca, ăn công nghiệp cho CBCNV-LĐ, với mức ăn 15.000 đồng/bữa/người, người lao động không phải đóng góp tiền ăn ca, đối với cán bộ quản lý và CBCNV-LĐ nhà xa được bố trí ăn sáng miễn phí tại Bếp ăn Công ty với mức ăn 15.000đ/người/bữa).

- Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ được đảm bảo. Tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật, trang bị bảo hộ lao động được đảm bảo theo quy định. Năm 2019 cấp phát bồi dưỡng hiện vật cho công nhân lao động trực tiếp sản xuất, với tổng giá trị bình quân khoảng 60 triệu đồng/tháng.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020 VÀ NHIỆM KỲ 2020 -2025

Với mục tiêu đổi mới mô hình quản trị, chủ động khắc phục khó khăn, linh hoạt, quyết liệt, mạnh mẽ trong chỉ đạo điều hành và tổ chức sản xuất, tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền và sở ban ngành, đồng sức đồng lòng của tập thể CBCNV-LĐ trong toàn Công ty, tập trung phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch nhiệm vụ SXKD năm 2020 cũng như chiến lược phát triển Công ty theo hướng bền vững.

I. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2020:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Tổng doanh thu toàn công ty	đồng	1.500.000.000.000
2	Nộp ngân sách	đồng	50.000.000.000
3	Lương bình quân	đồng	9.000.000
4	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	28.876.000.000

2. Về kế hoạch chỉ tiêu các năm tiếp theo đến năm 2025:

Trên cơ sở những chỉ tiêu năm 2020, các năm tiếp theo phấn đấu mức tăng trưởng hàng năm từ 3 đến 10 % / năm. Đến năm 2025 phấn đấu doanh thu đạt trên 1.700 tỷ đồng. Các chỉ tiêu khác tăng theo tỷ lệ tương ứng.

☞ Một số nhiệm vụ khác:

1. Tiếp tục tập trung đổi mới mô hình quản trị Công ty;
2. Triển khai phát hành cổ phiếu nâng vốn điều lệ và huy động nguồn vốn từ bên ngoài để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

3. Tập trung mọi nguồn lực, triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, đồng bộ đối với hoạt động sản xuất Xi măng, tăng sản lượng, ổn định chất lượng, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

4. Rà soát bố trí sắp xếp lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với yêu cầu SXKD.

5. Đẩy mạnh công tác tiêu thụ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nội địa, chú trọng thị trường xi măng xuất khẩu, nâng tỷ lệ tiêu thụ xi măng đạt trên 80% đến 100%.

6. Giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc của các dự án hạ tầng (tại Cẩm Phả, Hạ Long và khu vực Uông Bí).

☞ Một số giải pháp:

1. Triển khai các giải pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm, chú trọng công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến công nghệ nhằm tăng năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm.

2. Tập trung đồng bộ, linh hoạt trong công tác chỉ đạo điều hành quản lý, rà soát bố trí sắp xếp, cơ cấu tổ chức, phân công phân nhiệm phù hợp với trình độ chuyên môn và tính chất công việc, chú trọng công tác đào tạo và đạo tạo lại nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Xây dựng và triển khai các biện pháp quản lý và sử dụng thiết bị máy móc, dây chuyền sản xuất, kỹ thuật công nghệ phù hợp. Rà soát, điều chỉnh áp dụng các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp và kịp thời, sát với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả kinh tế cao nhất.

4. Tìm kiếm lựa chọn, cung ứng và quản lý tốt nguyên nhiên liệu, vật tư đầu vào đưa tiêu chí tiết kiệm vật tư nguyên nhiên liệu, năng lượng trong sản xuất lên hàng đầu, nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả, giảm chi phí trên từng công đoạn từ cung ứng, sản xuất, lưu thông đến tiêu thụ. Bảo đảm chất lượng sản phẩm, chú trọng công tác tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là xuất khẩu xi măng, clinke và đá xây dựng.

5. Nâng cao hiệu quả ở các lĩnh vực trọng tâm như: Xi măng, Than; Đá, đầu tư kinh doanh dự án hạ tầng ...

6. Chú trọng công tác an toàn vệ sinh lao động, công tác môi trường, công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn hệ thống ISO. Thực hiện tốt công tác quản lý và sử dụng và bảo vệ tài nguyên, than, đá, sét... một cách có hiệu quả.

7. Cập nhật và vận dụng kịp thời các cơ chế chính sách, chế độ của Nhà nước trên các mặt công tác, từ đó có những giải pháp phù hợp, đem lại hiệu quả cao nhất.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019, nhiệm kỳ 2015-2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 -2025 của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh. Với mục tiêu khắc phục khó khăn, tập trung sức mạnh tổng hợp, Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh phấn đấu hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ năm 2020 cũng như chiến lược phát triển của Công ty theo hướng ổn định lâu dài, bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông, cảm ơn toàn thể Đại hội!

Nhân dịp này, tôi xin được kính chúc Quý vị Đại biểu, các quý vị cổ đông cùng thể Đại hội sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn !



Tô Ngọc Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



BÁO CÁO

**CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY TẠI ĐHĐCĐ
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 VÀ NHIỆM KỲ 2020-2025**

Uông Bí, tháng 05 năm 2020

Tel: 02033 668 355 - Fax 02033 668 354

Email: vanphongqnc@gmail.com

Website: www.qncc.vn

Địa chỉ: Khu Hợp Thành – Phường Phương Nam – Thành phố Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh



Số: 719/BC-BKS

Quảng Ninh, Ngày 20 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 VÀ NHIỆM KỲ (2015 – 2020)

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty(QNC) năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán (AASC). Số: 310320.007/BCTC.KT5; và số: 310320.008/BCTC.KT5 ngày 31/03/2020.

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2019 và nhiệm kỳ (2015-2020).

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát và các mặt hoạt động trong năm 2019 và nhiệm kỳ (2015-2020) như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tình hình chung

Nhiệm kỳ (2015-2020) là những năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn, thách thức bất lợi, do tác động khách quan của tình hình kinh tế xã hội trong nước có nhiều biến động và diễn biến phức tạp, nội lực còn hạn chế trong quá trình đầu tư trước đây, việc sử dụng nguồn vốn đầu tư giữa ngắn hạn và dài hạn chưa đúng quy định. Tài sản sử dụng sai mục đích, mất cân đối nguồn vốn, việc thanh khoản chậm áp lực trả nợ lớn, dẫn đến kết quả SXKD sụt giảm, không hiệu quả. Trong bối cảnh đó năm 2016 có hai lần thay đổi về nhân sự quản lý cấp cao Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc điều hành; Quý I năm 2018 lại có sự thay đổi nên ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả SXKD. Từ quý II/2018 với tinh thần chủ động sáng tạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành cùng toàn thể CNLĐ nỗ lực phấn đấu tìm mọi giải pháp, khắc phục khó khăn giữ vững sự ổn định SXKD trên tất cả các lĩnh vực, tuy nhiên kết quả một số chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch đề ra.

2. Việc thực hiện chức năng nhiệm vụ

Trong nhiệm kỳ qua (2015-2020) Ban Kiểm soát Công ty luôn ý thức được vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của các cổ đông và nhà đầu tư, tập trung thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty. Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội

đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm. Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đối với HĐQT và ban Tổng Giám đốc.

Thẩm tra các báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của công ty theo các quy định của Pháp luật.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Trong nhiệm kỳ (2015-2020), các Nghị quyết HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS tham dự, có biên bản họp sau khi kết thúc.

HĐQT đã tập trung chủ yếu bàn về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các giải pháp tháo gỡ khó khăn để giữ vững sự ổn định sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển Công ty, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thống nhất để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền trên cơ sở tuân thủ theo Điều lệ Công ty và pháp luật như:

- Phê duyệt các thủ tục liên quan đến điều chỉnh, hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến các dự án hạ tầng để đưa vào kinh doanh, huy động, thu hồi vốn. Phê duyệt các thủ tục liên quan đến công tác đầu tư, mua sắm máy móc, sửa chữa thiết bị, nguyên liệu đầu vào, để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm Xi măng, Than, đá...

- Phê duyệt các quyết định, thủ tục liên quan đến tài nguyên, môi trường, dự án đầu tư, mở rộng SXKD. Tái cơ cấu tổ chức sản xuất chuyển đổi mô hình quản lý, sắp xếp lại bộ máy quản lý, tiết giảm chi phí sản xuất, tái cơ cấu nguồn vốn tại các Công ty thành viên, tái cơ cấu nguồn vốn vay.

HĐQT đều ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình một cách trung thực, tập trung, cẩn trọng vì quyền lợi của các cổ đông và nhà đầu tư, luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban TGD hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động của Công ty.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

- Về công tác quản lý và điều hành: Trong nhiệm kỳ Ban Tổng Giám đốc đã triển khai kịp thời các chỉ thị Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty. Ban Tổng Giám đốc đã ban hành, sửa đổi kịp thời các Quy trình, Quy chế để áp dụng vào điều hành, quản lý một cách khoa học và có hiệu quả nhất trong công tác quản trị, quản lý chi phí, giải pháp sản xuất kinh doanh theo xu thế thị trường.

- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã đề nghị Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự của Công ty và điều động chuyển nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý, điều hành của Công ty.

III. KẾT QUẢ PHỐI HỢP VÀ KIỂM TRA

1. Kết quả phối hợp

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty góp phần giữ vững sự ổn định trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

HĐQT và Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc về việc công bố các thông tin theo quy định và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát được tiếp cận tài liệu để kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. HĐQT và Tổng Giám đốc tiếp thu các ý kiến góp ý của Ban kiểm soát và từng bước cải thiện việc áp dụng các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

Ban kiểm soát luôn lắng nghe và cập nhật thông tin của cổ đông, phản hồi thông tin đã kiểm soát được và phản hồi cho các cổ đông biết đầy đủ, kịp thời và công khai.

2. Kết quả kiểm tra

Trong năm 2018, theo văn bản số 132/VB-HĐQT ngày 16/08/2018 và số 133/VB-HĐQT ngày 17/08/2018 của HĐQT; Ban Kiểm soát Công ty đã tiến hành 02 cuộc kiểm tra.

- Cuộc thứ nhất; kiểm tra làm rõ trách nhiệm những cá nhân liên quan trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty (từng thời kỳ) dẫn đến; Âm kho than, âm liệu, mua bán vật tư tồn kho không sử dụng. Kết quả số liệu chênh lệch âm kho than được hình thành từ trước năm 2016. Giai đoạn (1) trước tháng 06/2010; giai đoạn này do ông Cao Quang Duyệt là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc điều hành tổng số lượng âm kho là 12.048,39 tấn than cám 4A. Giai đoạn (2) từ tháng 6/2010 đến 31/3/2016; giai đoạn này do ông Đinh Đức Hiền là Tổng giám đốc điều hành, tổng số là 28.338,24 tấn than cám 4A. Ngày 05/10/2017 HĐQT đã họp bàn về việc khắc phục lượng âm than, cá nhân đã nhận trách nhiệm cam kết khắc phục tổng số; 10.000 tấn.

- Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCD ngày 20/05/2019; Ban Kiểm soát phối hợp cùng HĐQT, Ban điều hành Công ty đã tập trung tích cực đôn đốc, giám sát, yêu cầu các cá nhân hoàn tất thực hiện theo cam kết cụ thể

- Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/03/2019 Ông Cao Quang Duyệt đã khắc phục song số lượng theo cam kết là 5.000 tấn than cám 4A với tổng số tiền 9.281.972.400, đồng. Ngày 30/06/2019 Ông Đinh Đức Hiền đã khắc phục song số lượng theo cam kết là 5.000 tấn than cám 4A với tổng số tiền 9.281.972.400, đồng.

+ Cuộc thứ hai: Kiểm tra phần vốn góp, làm rõ tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh và các chi phí liên quan đến hoạt động của Công ty cổ

phần Thương Mại Sông Sinh giai đoạn từ năm 2015 đến 30/06/2018. Kết quả: Công tác quản trị, quản lý chi phí, hạch toán và việc trích lập các quỹ chưa phù hợp với Điều lệ và chế độ kế toán hiện hành. Sau khi kiểm tra HĐQT, TGD thống nhất bố trí thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp và tham gia HĐQT giữ chức giám đốc điều hành Công ty cổ phần Thương Mại Sông Sinh.

Năm 2019 thực hiện Nghị quyết số: 19/NQ-ĐHCD ngày 20/05/2019 của ĐHCD thường niên năm 2019; Ban Kiểm soát Công ty đã rà soát các thủ tục pháp lý, giám sát kiến nghị HĐQT, Ban điều hành triển khai thực hiện giải quyết các tồn tại liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể như

- Lĩnh vực quản lý, khai thác than: Giải quyết các vướng mắc liên quan trong quá trình quản lý, khai thác, vận chuyển, tiêu thụ than theo quy định.

- Đối với lĩnh vực sản xuất, khai thác đá: làm rõ về giá trị, việc xử lý số liệu chênh lệch đá, số liệu tài chính và công tác bàn giao, việc đề nghị cấp phép khai thác tiêu thụ đá phi nguyên liệu, việc sử lý thửa đất theo kết luận thanh tra.

- Đối với lĩnh vực quản lý, đầu tư, kinh doanh các dự án hạ tầng: Ban điều hành Công ty đã tập trung triển khai thực hiện các giải pháp như; hợp tác đầu tư, bán, chuyển nhượng dự án và hoàn thiện các thủ tục pháp lý, vướng mắc của từng dự án nhằm thu hồi vốn cho Công ty. Tuy nhiên trong thời gian vừa qua còn gặp khó khăn do chính sách của UBND Tỉnh Quảng Ninh hiện đang dừng để thanh kiểm tra lại các dự án trong toàn tỉnh nên một số dự án của Công ty vẫn còn tồn tại.

- Đối với hệ thống lưới điện trung thế 22kv Khu Công nghiệp Cái Lân. HĐQT, Ban điều hành Công ty đã nhiều lần gửi văn bản cho Công ty Năng Lượng Hạ Long thông báo về việc hủy bỏ biên bản bàn giao tài sản không đúng quy định và yêu cầu đơn vị phối hợp để bàn giao lại Hệ thống lưới điện trung thế 22kv Khu Công nghiệp Cái Lân cho QNC nhưng đến nay Công ty Năng lượng luôn tìm cách trì hoãn, không phối hợp thực hiện bàn giao lại Hệ thống lưới điện trung thế 22kv KCN Cái Lân cho Công ty. Từ những vướng mắc, khó khăn trên Ban điều hành đã làm văn bản báo cáo gửi Công an Hạ Long, công an phường sở tại và các cơ quan chức năng xem xét hỗ trợ xử lý giải quyết và yêu cầu Công ty Năng Lượng chuyển toàn bộ tài sản, con người ra khỏi KCN Cái Lân kể từ ngày 15/10/2019. Hiện nay Công ty đang thuê tư vấn Luật để khởi kiện.

- Về việc sử dụng nguồn vốn NIB :

+ Tài sản hình thành từ nguồn vốn NIB cho lĩnh vực sản xuất xi măng gồm ; dây chuyền sản xuất Xi măng, dây chuyền Sandivk ; 01 máy xúc Volvo PC60 ; 01 máy khoan Pentra 1100 : 20.261.963 USD chiếm 83% hiện đang phát huy được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Tài sản hình thành từ nguồn vốn NIB đang cho các đơn vị thuê khoán : 2.817.240 USD chiếm 11,54% dưới dạng hợp đồng thuê khoán thu hàng tháng đơn vị thuê khoán đã thanh toán hết tiền thuê theo hợp đồng gồm :

* Công ty cổ phần Phương Nam :1.142.260 USD chiếm 4,68% (01 Máy xúc Volvo PC40 ; 07 ô tô vận tải Volvo)

* Công ty cổ phần cơ giới xây dựng Hoàng Sơn : 1.674.980 USD chiếm 6,86% (01 Máy xúc Volvo PC60 ; 11 ô tô vận tải Volvo).

* Tài sản từ nguồn vốn NIB đã bán cho các công ty ngoài : 1.333.658 USD chiếm 5,46%.

Đến nay nguồn vay vốn NIB còn phải trả gồm 7,6 USD và 3,8 triệu EUR, các tài sản đã bán và cho thuê đến thời điểm 6 tháng 6/2019 có giá trị còn lại phải trả ngân hàng là 1.622.771 USD ; phải trả ngân hàng cả gốc và lãi đến năm 2021 tương đương 38,8 tỷ đồng.

Ban điều hành đã giao cho các phòng ban nghiệp vụ rà soát Kiểm tra, hoàn thiện lại hồ sơ thu hồi, yêu cầu các tổ chức/cá nhân có liên quan có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng các tài sản cho Công ty.

IV. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công tác lập Báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Sổ sách kế toán được cập nhật ghi chép chính xác, kịp thời, rõ ràng, trung thực, và được lưu giữ cẩn thận theo quy định đảm bảo an toàn.

- Số liệu báo cáo tài chính của Công ty được lập cho niên độ hàng năm và năm 2019 đã được kiểm toán phù hợp với kết quả giám sát của Ban kiểm soát.

- Các báo cáo tài chính trong nhiệm kỳ (2015-2020) đã được kiểm toán bởi Công ty THHH hãng kiểm toán AASC.

- **Ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập năm 2019:** Ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019
1	Doanh thu	Tỷ.đ	913,08	1.072,44	960,10	1.145,60	1.373,44
2	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ.đ	(3,36)	(67,39)	(222,55)	(33,26)	72,49
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	5,12	(62,57)	(253,83)	3,36	73,56
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ.đ	2,74	(63,34)	(253,84)	0,61	73,54
5	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	Tỷ.đ	0,58	0,94	0,015	0,037	0,041
6	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Tỷ.đ	2,16	(64,29)	(253,86)	0,57	73,50
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ	32	(4.028)	(10.609)	15	1.980

Từ bảng tổng hợp nêu trên ; kết quả năm 2016 lỗ 64,29 tỷ đồng, năm 2017 lỗ 253,84 tỷ đồng do chi phí sản xuất và sửa chữa tăng, do chênh lệch tỷ giá có nguồn gốc ngoại tệ, do chi phí các dự án đã hoàn thành và không còn triển khai bị thu hồi, lập dự phòng phải thu khó đòi và thiếu hụt do kiểm kê, số liệu chênh lệch giữa báo cáo thực tế sử dụng và báo cáo sổ sách trong sản xuất. Kết quả năm 2018 lãi 0,61 tỷ đồng, năm 2019 lãi 73,54 tỷ đồng.

Trong năm 2019 hoạt động chính của Công ty là sản xuất, tiêu thụ xi măng và Clinker vẫn tiếp tục được duy trì ổn định. Do giá xi măng và clinker có xu hướng tăng lên đáng kể trong điều kiện sản lượng tiêu thụ cơ bản vẫn ổn định dẫn đến doanh thu và lợi nhuận gộp tăng mạnh so với năm trước. các hoạt động khác như giao thầu khai thác than, hoạt động kinh doanh thương mại than và xi măng cũng đều có sự tăng trưởng mạnh, bên cạnh đó Công ty cũng giảm dần tỷ trọng bán xi măng và clinker, trực tiếp xuất khẩu nên tiết giảm được chi phí làm hàng xuất khẩu, góp phần giảm mạnh chi phí bán hàng. Mặt khác Công ty đã dần trả các khoản nợ vay trung hạn, tiết giảm nhiều chi phí lãi vay từ đó dẫn đến lợi nhuận trước thuế TNDN tăng mạnh so với năm trước.

3. Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12 nhiệm kỳ (2015-2020)

(Trích nguồn báo cáo tài chính riêng)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1. Cơ cấu tài sản						
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	59,11	62,56	71,16	72,58	68,75
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	40,88	37,43	28,83	27,41	31,24
2. Cơ cấu vốn						
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	89,7	92,97	96,46	95,89	91,8
- vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	10,26	7,02	3,53	3,3	8,19
3, Khả năng thanh toán						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/Nợ ngắn hạn		0,90	0,79	0,43	0,37	0,42
+ Hệ số thanh toán nhanh Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn		0,53	0,47	0,33	0,065	0,06
4. Năng lực hoạt động						
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ		2,42	2,89	8,16	14,78	17,82
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		45,0	52,6	0,58	0,76	0,91
5. Khả năng sinh lời						
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần.		0,1	(0,070)	-0,26	0,003	0,053
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,3	(0,490)	-4,3	0,06	0,59
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,03	(0,030)	-0,15	0,0025	0,049
+Hệ số LN từ hoạt HĐKD/DT thuần		(0,5)	(0,070)	-0,25	0,02	0,053

Hoạt động liên tục của Công ty: Tại thời điểm 31/12/2019, Nợ ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn là 644,2 tỷ VNĐ; lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2019 là 263,7 tỷ đồng tương ứng 70,9% vốn góp của chủ sở hữu. Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn chủ sở hữu là 11,2 lần. Nợ phải trả /Tổng tài sản là 0,91lần. Tỷ lệ này là rất cao, từ đó nêu lên hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục của công ty gặp rất nhiều khó khăn.

- Tình hình nợ phải trả: Tổng nợ phải trả của Công ty đến 31/12/2019 là 1.432,5 tỷ đồng giảm so với đầu năm là 62,87 tỷ đồng trong đó: Nợ ngắn hạn là 1.111,1 tỷ đồng tăng 20 tỷ đồng so với đầu năm, Nợ dài hạn là 262 tỷ đồng giảm so với đầu năm 82,93 tỷ đồng.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung, số liệu báo cáo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả hoạt động của HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh của nhiệm kỳ (2015-2020) và năm 2019; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và những năm tiếp theo.

Kiến nghị:

1. Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty định hướng tiếp tục xây dựng chiến lược ngắn hạn, trung và dài hạn cho việc tái cơ cấu nguồn vốn của Công ty kể cả nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ. Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc của các dự án hạ tầng để triển khai đưa vào kinh doanh tạo dòng tiền ổn định để đảm bảo thanh khoản cho hoạt động tài chính của Công ty.

2. Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 -2020, trong năm 2020.

3. Tập trung giải quyết hoàn thiện các thủ tục pháp lý, để khai thác cung ứng nguyên liệu đầy đủ, kịp thời về số lượng và chất lượng đáp ứng cho sản xuất ổn định, giảm chi phí giá thành để đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

4. Tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm, giữ vững sự tăng trưởng, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh

5. Đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nội địa.

6. Tranh thủ sự quan tâm chia sẻ, tạo điều kiện của đối tác, khách hàng để khắc phục tình trạng mất khả năng thanh toán.

6. Đề nghị tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và nhiệm kỳ (2020-2025).

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 VÀ NHIỆM KỲ (2020-2025).

Bước sang năm 2020 và nhiệm kỳ (2020-2025), với khối lượng công việc còn nhiều khó khăn và thách thức do cơ chế thị trường đặt ra và tác động khách quan của tình hình kinh tế đất nước, giá cả đầu vào, thời tiết, dịch bệnh phát sinh khó lường. Từ đó những nhiệm vụ trong quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hết sức nặng nề cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành, và từng phòng ban nghiệp vụ. Khó khăn vẫn còn hiện hữu, đòi hỏi sự nỗ lực của từng CBCNV trong Công ty cũng như sự ủng hộ và tin tưởng của quý vị cổ đông. Ban kiểm soát năm 2020 và nhiệm kỳ (2020-2025) sẽ tập trung vào các hoạt động chính sau:

1. Tiếp tục kiểm tra giám sát mọi mặt hoạt động SXKD và tập trung vào giám sát các dự án đầu tư và vật tư nguyên nhiên vật liệu đầu vào của Công ty.

2. Tiếp tục kiểm tra giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý trong việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Xem xét về hoạt động kiểm tra, giám sát chặt chẽ, soát xét lại quy chế hoạt động theo các nội dung quy định mới về quản trị công ty đại chúng.

3. Giám sát các hoạt động công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên liên quan.

4. Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 -2020, trong năm 2020.

5. Ban Kiểm soát Công ty sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của quý vị cổ đông cũng như của HĐQT, sự hợp tác phối hợp của Ban Tổng giám đốc điều hành, các bộ phận, phòng ban nghiệp vụ trong Công ty nhằm giúp chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ trong niên độ tài chính năm 2020 và nhiệm kỳ (2020-2025).

Trên đây là báo cáo hoạt động trong năm 2019 và nhiệm kỳ (2015-2020) của Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn toàn thể Đại hội

Nơi nhận:

- BC tại ĐHCĐ
- Các TV, BKS
- HĐQT, TGD, Quý CĐ
- Lưu VP

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Trần Quang Tịnh

Số: 724/TTr-QNC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty CP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng kính trình Cổ đông thông qua Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ 2020 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

+ Tái cơ cấu lại các khoản nợ đến hạn của Công ty, nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính (lãi vay) cho Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Tình hình cổ phiếu hiện tại của Công ty

- Số lượng cổ phiếu: 38.721.909 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

2. Phương án phát hành

- Tên Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số cổ phiếu phát hành: 11.278.091 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 112.780.910.000 đồng
(Một trăm mười hai tỷ bảy trăm tám mươi triệu chín trăm mười ngàn đồng)



Danh sách đối tượng tham gia đợt phát hành tăng vốn:

STT	Họ tên người mua	Địa chỉ	ĐKKD/ CMND	Mối quan hệ với Công ty	Số lượng CP đang nắm giữ	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm
1	Ông Tô Ngọc Hoàng	A1401-C.Cur M3-M4, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	034086003536	Hiện Ông Tô Ngọc Hoàng: là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh	1.540.800	11.278.091

- Danh sách nhà đầu tư tham gia đợt phát hành riêng lẻ nêu trên miễn thực hiện thủ tục chào mua công khai trong các trường hợp sau :

- Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng chào bán vượt mức sở hữu được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Chào bán dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức hoặc một cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của QNC trong một đợt chào bán hoặc nhiều đợt chào bán trong 12 tháng gần nhất.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Phương thức xử lý cổ phần không phát hành hết: Số lượng cổ phần do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược với giá không thấp hơn mức giá đã công bố cho các nhà đầu tư hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng).
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Thời điểm phát hành: dự kiến trong quý III, quý IV năm 2020 hoặc đến quý I/2021.

3. Nguyên tắc xác định giá phát hành

Giá phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông trong đợt phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh là 10.000 đồng/cổ phiếu, được căn cứ trên giá trị sổ sách của công ty tại thời điểm 31/12/2019

o 31/12/2019 (Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} &= \text{Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phần đang lưu hành} \\ &= 58.407.615.940/37.181.109 \\ &= 1.571 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

o 31/12/2019 (Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} &= \text{Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phần đang lưu hành} \\ &= 57.642.507.068/37.181.109 \\ &= 1.550 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 29,13% cổ phiếu mới so với vốn điều lệ hiện tại dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác việc giá giao dịch hiện tại trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội của cổ phiếu QNC cũng luôn luôn ở mức dưới 10.000 đồng/ cổ phiếu (cụ thể là từ 2.400-3.700 đồng/ cổ phiếu) trong thời gian từ tháng 03 trở lại đây. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành cũng như để tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

4. Ủy quyền:

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm đợt phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN
- Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng. Điều chỉnh phương án phát hành trong đề phù hợp với tình hình thực tế triển khai.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và đầu tư Quảng Ninh sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Các công việc khác có liên quan.

III. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 112.780.910.000 đồng của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng:

1. Trả các khoản nợ gốc ngắn hạn, trung và dài hạn năm 2020:

1. Trả các khoản nợ gốc ngắn hạn, trung và dài hạn năm 2020 và năm 2021

TT	Đối tượng (Ngân hàng)	Số tiền	Thời hạn thực hiện
1	Ngân hàng BIDV - CN Tây Nam Quảng Ninh	30.000.000.000	Quý III/IV năm 2020 và quý I/2021
2	Ngân hàng Vietcombank – CN Quảng Ninh	10.000.000.000	Quý III/IV năm 2020 và quý I/2021
3	Ngân hàng NN và PTNT - CN tỉnh Quảng Ninh	30.000.000.000	Quý III/IV năm 2020 và quý I/2021
	Tổng cộng	70.000.000.000	

2. Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh cho sản xuất xi măng:

TT	Danh mục Nguyên vật liệu,	Số tiền	Thời hạn thực hiện
1	Nguyên vật liệu chính	10.000.000.000	Quý III/IV năm 2020 và quý I/2021
2	Vật tư sửa chữa	12.780.910.000	Quý III/IV năm 2020 và quý I/2021

3	Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị sản xuất.	20.000.000.000	Quý III/IV năm 2020 và quý I/2021
	Tổng Cộng	42.780.910.000	

PHƯƠNG ÁN VÀ LỊCH TRÌNH PHÂN PHỐI

Bước 1: UBCKNN chấp thuận phương án phát hành của Công ty

Bước 2: Công ty thông báo quyền mua cổ phần cho từng đối tác

Bước 3: Phân phối chứng khoán

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**



Đỗ Hoàng Phúc





CORPORATION

Số: 725/TTr-QNC

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH

Khu Hợp Thành, Phường Phương Nam,
Thị trấn Hòa Bình, Quận Quảng Ninh,
ĐT: 0333. 616.255 / Fax: 0333. 616.254

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom

- Căn cứ: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật chứng khoán 2006; Nghị định số 62//2010/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều tại Luật chứng khoán; Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán; Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 58/2012/NĐ-CP; Thông tư 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015;

- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh,

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án tự nguyện xin hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty tại sàn HNX và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn Upcom. Cụ thể:

1. Phương án hủy niêm yết tự nguyện tại Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh;
- Địa chỉ trụ sở Công ty: Khu Hợp Thành, Phường Nam, Uông Bí- Quảng Ninh;
- Mã chứng khoán: QNC
- Nơi niêm yết: HNX
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết: 38.721.909 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết: 387.219.090.000 đồng
- Thời gian triển khai thủ tục hủy niêm yết: Ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Lý do hủy niêm yết: Tập trung việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tập trung phát triển doanh nghiệp.

1. Đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch Upcom

Sau khi hoàn tất thủ tục hủy niêm yết cổ phiếu tại HNX, Công ty tiếp tục tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom.

2. Ủy quyền thực hiện

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh triển khai và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc hủy niêm yết cổ phiếu tại HNX và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Hoàng Phúc

Số: 723/TTr-QNC

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh
sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty**

Kính gửi: HĐQT/ Đại hội đồng cổ đông QNC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh;
- Căn cứ tình hình và yêu cầu SXKD thực tế của Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua:

I. Sửa đổi, bổ sung chi tiết và hủy bỏ đăng ký ngành nghề kinh doanh như sau:

1. Ngành nghề cập nhật lại theo Quyết định số: 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

- Ngành nghề đã đăng ký:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510	
2	Xây dựng công trình công ích	4220	
3	Xây dựng nhà các loại	4100	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	
5	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	
6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621	
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221	
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395	
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730	

-Ngành nghề kinh doanh cập nhật lại theo QĐ 27/2018/QĐ-TTg

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh cập nhật lại	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất điện	3511	
2	Truyền tải và phân phối điện	3512	
3	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395	
6	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	

2. Bổ sung ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng nhà để ở	4101	
2	Xây dựng nhà không để ở	4102	
3	Xây dựng công trình điện	4221	
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
5	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
6	Xây dựng công trình thủy	4291	
7	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
8	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
10	Dịch vụ ăn uống khác	5629	
11	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222	
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	
14	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211	
13	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
16	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490	
17	Tái chế phế liệu	3830	
18	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	
19	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701	
20	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702	

21	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709	
22	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023	
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
24	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
25	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	
26	Đúc sắt, thép	2431	
27	Đúc kim loại màu	2432	
28	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591	
29	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
30	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593	
31	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	
32	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	
33	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210	

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Chuẩn bị mặt bằng: (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn)	4312	
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kho chứa hàng hóa thông thường)	5210	
3	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chỉ bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)	4661	

4	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không sản xuất các sản phẩm bị cấm theo quy định pháp luật)	2391	
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: (Không bán buôn các vật liệu, thiết bị bị cấm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.)	4663	
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. (Chỉ bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)	4659	
7	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: (không bao gồm kinh doanh dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện vận tải)	7120	
8	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu: (không sản xuất các hóa chất bị cấm theo quy định pháp luật)	2029	
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : (Chỉ kinh doanh trong phạm vi Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810	
10	Cung ứng lao động tạm thời (không cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài)	7820	
11	Truyền tải và phân phối điện (ngoại trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia).	3512	

4. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	Hủy bỏ do quy định tại QĐ Số: 27/2018/QĐ-TTg
2	Xây dựng công trình công ích	4220	
3	Xây dựng nhà các loại	4100	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	
6	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830	Hủy bỏ do Công ty không hoạt động KD ngành nghề này
7	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740	

II. Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi đã được sửa đổi, bổ sung:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
2	Sản xuất điện	3511
3	Truyền tải và phân phối điện (ngoại trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia).	3512
4	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5	Khai thác và thu gom than non	0520
6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình điện	4221
13	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19	Dịch vụ ăn uống khác	5629
20	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
22	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
23	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

24	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
25	Tái chế phế liệu	3830
26	Chuẩn bị mặt bằng (<i>Không bao gồm dịch vụ nổ mìn</i>)	4312
27	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
28	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (<i>Kho chứa hàng hóa thông thường</i>)	5210
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (<i>không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không</i>)	5229
30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (<i>Chi bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</i>)	4661
31	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
32	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
33	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (<i>Không sản xuất các sản phẩm bị cấm theo quy định pháp luật</i>)	2391
35	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
36	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
37	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40	Bốc xếp hàng hóa (<i>không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không</i>)	5224
41	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
42	Sửa chữa thiết bị điện	3314
43	Khai thác và thu gom than bùn	0892
44	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
47	Phá dỡ	4311
48	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
50	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (<i>Không bán buôn các vật liệu, thiết bị bị cấm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp</i>)	4663

	<i>đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.</i>	
52	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53	Dịch vụ ăn uống khác	5629
54	Sửa chữa thiết bị khác	3319
55	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
56	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
57	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
58	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>(không bao gồm kinh doanh dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện vận tải)</i>	7120
59	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
60	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
61	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu <i>(không sản xuất các hóa chất bị cấm theo quy định pháp luật)</i>	2029
62	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>(Chỉ kinh doanh trong phạm vi Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)</i>	6810
63	Cung ứng lao động tạm thời <i>(không cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài)</i>	7820
64	Cho thuê xe có động cơ	7710
65	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
66	Sản xuất bột giấy, giấy và bì	1701
67	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
68	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
69	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
72	Đúc sắt, thép	2431
73	Đúc kim loại màu	2432
74	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
75	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
76	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
77	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
78	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
79	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
80	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
81	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

III. Sửa đổi Điều lệ/ Quy chế quản trị nội bộ Công ty:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 – Lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại Điều lệ cho phù hợp với nội dung đề nghị thay đổi như điều 1 của tờ trình.
2. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và quy chế quản trị nội bộ Công ty theo nội dung tại Tờ trình số 726/ND-HĐQT.

Kính trình HĐQT/ Đại hội xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**



Đỗ Hoàng Phúc

Số: ~~File~~/TTr-NSDH

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Danh sách nhân sự ứng cử, đề cử
bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP XM và XD Quảng Ninh.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số:68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh;

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thì Công ty sẽ tiến hành bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới (2020 – 2025) tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 do HĐQT và BKS hiện tại hết nhiệm kỳ.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2020 – 2025 như sau:

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT là: 05 người.

2. Danh sách ứng viên tham gia HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội danh sách ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025, gồm:

1. Ông Đỗ Hoàng Phúc:

- Sinh ngày 03/07/1957; Quốc tịch: Việt Nam

- Số CMND: 164262855 do Công an Ninh Bình cấp ngày 04/01/2008;

- Trình độ chuyên môn: Đại học cảnh sát ND, Cử nhân Luật

- Địa chỉ thường trú: SN12, đường Trịnh Tú, phố Kim Đa, phường Ninh Khánh,

Thành phố Ninh Bình

- Chức vụ hiện nay tại QNC: Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015 -2020.

- Tổng số cổ phần QNC nắm giữ: 1.729.647 cổ phần, chiếm 4,47% VDL.

2. Ông Tô Ngọc Hoàng:

- Sinh ngày 23/11/1986; Quốc tịch: Việt Nam

- Số CCCD: 034086003536 do Cục Cảnh sát cấp ngày 25/03/2016;

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Địa chỉ thường trú: 91A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa, Hà Nội
- Chức vụ hiện nay tại QNC: Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015 -2020, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật Công ty
- Tổng số cổ phần QNC hiện đang sở hữu (1.540.800 cổ phần) và đại diện sở hữu: 16.410.077 cổ phần, (tổng : 17.950.877 cổ phần) chiếm 46,36% VDL.

3. Ông Nguyễn Đình Tâm:

- Sinh ngày 21/09/1966; Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 100437447 do Cục Công an Quảng Ninh cấp ngày 05/07/2007.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Quản lý Doanh nghiệp mở.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1, Vĩnh Trung, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh
- Chức vụ hiện nay tại QNC: Phó chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2015 -2020.
- Tổng số cổ phần QNC hiện đang sở hữu 559.851 cổ phần chiếm 1,45% VDL.

4. Ông. Nguyễn Văn Kiên:

- Sinh ngày 19/05/1965; Quốc tịch: Việt Nam.
- Số CCCD: 036065000491 do Cục cảnh sát cấp ngày 13/10/2015.
- Nơi ở hiện nay: Số nhà 32 BT5 KĐT Văn Quán, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa kỹ thuật, Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại QNC: Thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2015 -2020, Phó Tổng giám đốc Công ty
- Tổng số cổ phần QNC nắm giữ: Không.

4. Ông GUILAUME - JEAN FRANCOIS

- Sinh ngày 03/04/1959; Quốc tịch: Pháp
- Số Hộ chiếu: 18FV12107 do Pháp ngày 07/01/2019.
- Địa chỉ: Chemin Jaques Attenville 14A, 1218 Geneva switzerland
- Chức vụ hiện nay tại QNC: Không.
- Tổng số cổ phần QNC hiện đang đại diện sở hữu 9.256.998 cổ phần chiếm 23,91% VDL.

II. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY:

1. Số lượng thành viên BKS

Số lượng thành viên BKS gồm: 03 người

2. Danh sách ứng viên tham gia BKS

HĐQT trình Đại hội danh sách ứng cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2020 -2025, gồm:

1. Ông Trần Quang Tịnh:

- Sinh ngày 02/05/1959 ; Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 100014416 do Công an Quảng Ninh cấp ngày 03/03/2009.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 45, Khu 12, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh.
- Chức vụ hiện nay tại QNC: Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 -2020
- Tổng số cổ phần QNC hiện đang sở hữu 14.791 cổ phần chiếm 0,04% VDL.

2. Bà. Phạm Thị Thúy Hằng:

- Sinh ngày 04/02/1974; Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001174005170 do Cục cảnh sát cấp ngày 17/07/2015.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Địa chỉ thường trú: An Trai - Vân Canh - Hoài Đức - Hà Nội.
- Chức vụ hiện nay tại QNC: Không
- Tổng số cổ phần QNC hiện đang sở hữu: Không

3. Bà. Phạm Thị Dịu:

- Sinh ngày 04/02/1974; Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 034182003280 do Công an Thái Bình cấp ngày 01/12/2015.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 26, đường 9, khu đô thị Ptol Thăng Long, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình
- Chức vụ hiện nay tại QNC: Không
- Tổng số cổ phần QNC hiện đang sở hữu: Không

Kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn để tiến hành bầu theo quy định/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Hoàng Phúc



Số: 726/ND-HĐQT

Ưng Bí, ngày 20 tháng 05 năm 2020

TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
Tại Phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên
năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025

Nội dung 1:

Thống nhất thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kết quả SXKD giai đoạn 2015 -2019 gồm:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾT QUẢ NĂM 2019
1	Kết quả kinh doanh hợp nhất		
+	Tổng doanh thu	Đồng	1.388.642.963.204
+	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	73.567.484.421
+	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	73.501.246.865
2	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Đồng	
+	Tổng doanh thu	Đồng	1.387.617.209.210
+	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	73.503.847.125
+	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	73.503.847.125
3	Nợ ngân sách	Đồng	50.228.590.809
4	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	8.900.000

2. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được (giai đoạn 2015 -2019)

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔNG SẢN LƯỢNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2019	SẢN LƯỢNG BÌNH QUÂN/NĂM
1	Tổng doanh thu	Đồng	5.457.483.073.086	1.091.496.614.617
2	Nợ ngân sách	Đồng	218.716.784.231	43.743.356.846
3	Thu nhập bình quân	Đồng	-	7.160.000

Nội dung 2:

Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty về kết quả hoạt động năm 2019, nhiệm kỳ 2015 -2020; phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 -2025.

Nội dung 3:

Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2019, nhiệm kỳ 2015 -2020; phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 -2025; Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020.

Nội dung 4:

Thông qua các nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Nghị quyết HĐQT năm 2020 và các nội dung liên quan phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Nội dung chi tiết của Nghị quyết 2019 đã được Công ty thể hiện tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty và Báo cáo thường niên theo quy định).

Giao Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tiếp tục triển khai thực các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, 2019; các Nghị quyết HĐQT năm 2019, 2020 theo quy định.

Nội dung 5:

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 gồm:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2020:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Tổng doanh thu toàn công ty	đồng	1.500.000.000.000
2	Nộp ngân sách	đồng	50.000.000.000
3	Lương bình quân	đồng	9.000.000
4	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	28.876.000.000

2. Về kế hoạch chỉ tiêu các năm tiếp theo đến năm 2025:

Trên cơ sở những chỉ tiêu năm 2020, các năm tiếp theo phấn đấu mức tăng trưởng hàng năm từ 3 % đến 10 % / năm. Đến năm 2025 phấn đấu doanh thu đạt trên 1.700 tỷ đồng. Các chỉ tiêu khác tăng theo tỷ lệ tương ứng.

Nội dung 6:

Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ký ngày 31/03/2020 gồm Báo cáo tài chính riêng số: 310320.007/BCTC.KT5, Báo cáo tài chính hợp nhất số 310320.008/BCTC.KT5.

Nội dung 7:

Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2019:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 Công ty dự kiến chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế, mặc dù năm 2019 kết quả đã có lãi, tuy nhiên lũy kế đến hết năm 2019 lợi nhuận vẫn âm, do vậy thống nhất năm 2019 không thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS Công ty.

Nội dung 8:

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty (theo tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ số: 724/TTr.HĐQT, ngày 19/05/2020).

Nội dung 9:

Thông qua tờ trình số: 725/TTr-QNC ngày 19/05/2020 về việc Hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom.

Nội dung 10:

Thông qua chủ trương đầu tư nâng cấp cải tạo hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất Xi măng; nhằm nâng cao năng suất, tiết giảm chi phí, sản phẩm đảm bảo chất lượng, xanh, thân thiện gắn với bảo vệ môi trường gồm các nội dung:

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 500 (Năm trăm) tỷ đồng VNĐ;
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 đến năm 2025.

Thống nhất ủy quyền và giao Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty lập phương án đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Nội dung 11:

Liên quan đến Khu công nghiệp Cái Lân:

1. Thông qua việc chuyển giao toàn bộ quyền quản lý và sử dụng đất đối với diện tích 56,7 ha của Khu công nghiệp Cái Lân đến hết năm 2047 cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cái Lân (CLI) theo hợp đồng thuê đất giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh. Việc chuyển đổi quyền thuê, quản lý và sử dụng phải đảm bảo theo đúng quy định hiện hành, đáp ứng đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

2. Thông qua việc ủy quyền cho CLI đại diện cho QNC làm việc với các Nhà đầu tư thứ cấp thuê đất trong KCN, UBND tỉnh Quảng Ninh, Ban kinh tế tỉnh, Cục thuế và các Sở ngành liên quan trong việc giải quyết các nghĩa vụ thuế, số tiền bị truy thu theo Kết luận của Thanh tra chính phủ (gồm có tiền đền bù GPMB và tiền lãi vay không được hỗ trợ).

3. Thông qua nội dung người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) ủy quyền cho người đại diện theo pháp luật CLI xử lý và giải quyết mọi quyền lợi của QNC tại KCN Cái Lân về đất đai, bồi thường, GPMB và quyền lợi khác đối với các nhà đầu tư thứ cấp, chính quyền địa phương, các sở ban ngành tỉnh Quảng Ninh trong trường hợp di dời dự án.

4. Thông qua việc đồng ý cho CLI được nhận đền bù, hỗ trợ GPMB đối với Khu công nghiệp Cái Lân trong trường hợp KCN Cái Lân phải di chuyển theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước; Đồng ý cho CLI được toàn quyền tiếp nhận, đầu tư, quản lý, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật mà không phải phân chia lợi nhuận đối với KCN, CCN mới do tỉnh Quảng Ninh bố trí quỹ đất dành cho việc phải di dời KCN Cái Lân theo yêu cầu.

5. Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Công ty QNC tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên liên quan đến KCN đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Nội dung 12:

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty và Quy chế quản trị Công ty cụ thể:

A. Sửa đổi bổ sung điều lệ hoạt động:

I. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 – Lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại Điều lệ cho phù hợp với nội dung đề nghị thay đổi như điều 1 của tờ trình số: 723/TTr-QNC, ngày 19/05/2020 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh:

II. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 của Điều lệ: (Đại hội đồng cổ đông)

5. Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể việc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến.

III. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 (Các cuộc họp HĐQT)

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể, các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị có thể được họp bằng hình thức họp trực tuyến, họp lấy ý kiến qua điện thoại, qua Mail; thời gian, hình thức, trình tự họp vẫn phải được thực hiện đảm bảo theo quy định.

IV. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 điều lệ (Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông)

1. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần phát hành;

n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

V. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29(Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người, nhiều nhất là năm (5) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

VI. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 30 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị)

Khoản 3 Điều 30:

c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

d. Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o. Thông qua hợp đồng mua, bán vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài

chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

Khoản 4 Điều 30:

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 35% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

VII. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 16 (Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông)

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

e. Bầu, bổ nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc bầu, bổ nhiệm, bãi miễn và thay thế Tổng giám đốc điều hành theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Để đảm bảo hoạt động của HĐQT Công ty. Đại hội cổ đông ủy quyền và giao Hội đồng quản trị Công ty được quyền bầu, bổ nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

VIII. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29: (Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị)

2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

(Để đảm bảo hoạt động của HĐQT Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên HĐQT theo các điểm a,b,c, d,e nêu trên sẽ được Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

IX. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 31: (Chủ tịch Hội đồng quản trị)

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

X. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37: (Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành)

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ những trường hợp buộc phải do Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn; tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

e. Quyết định số lượng người lao động trong toàn Công ty, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

i. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của công ty;

XI. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32: (Các cuộc họp của Hội đồng quản trị)

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến, đảm bảo ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể, các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị có thể được họp bằng hình thức họp trực tuyến, họp lấy ý kiến qua điện thoại, qua Mail; thời gian, hình thức, trình tự họp vẫn phải được thực hiện đảm bảo theo quy định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 02 (hai) người điều hành khác;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

XII. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 6 Điều 41: (Ban kiểm soát)

3. Kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Ban kiểm soát Công ty có thể bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát khi đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.

Trưởng họp Trưởng ban kiểm soát Công ty từ chức hoặc bị bãi miễn, Ban kiểm soát phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó đủ điều kiện và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Ban kiểm soát Công ty có thể bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát khi đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.
- f. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(Để đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên ban kiểm soát theo các điểm a,b,c, d,e nêu trên sẽ được Ban kiểm soát Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

XIII. Sửa đổi, bổ sung Điều 58: (Ngày hiệu lực)

1. Bản Điều lệ này gồm XX chương, 58 điều, 01 phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhất trí thông qua ngày 31 tháng 05 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Người Đại diện theo pháp luật hoặc tối thiểu hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

B. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty:

I. Sửa đổi khoản 4, khoản 5 Điều 7 của Quy chế quản trị nội bộ công ty (cuộc họp cổ đông thường niên và bất thường)

4. Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể, Công ty sẽ thực hiện áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

5. Hàng năm công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể việc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến.

ĐHĐCĐ thường niên và bất thường không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

II. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 10 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là năm (5) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

III. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 12 quy chế (Thẩm quyền của Hội đồng quản trị)

2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

IV. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 44 của Quy chế (Ngày hiệu lực)

1. Quy chế này gồm 10 chương 45 Điều và 06 phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thống nhất thông qua ngày 31/05/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật Công ty hoặc người được uỷ quyền.

V. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Phụ lục số 2 Quy chế (Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị)

(Để đảm bảo hoạt động của HĐQT Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên HĐQT theo các điểm a,b,c, d, nêu trên sẽ được Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

VI. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điều 4, Phụ lục 3 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT)

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể, các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị có thể được họp bằng hình thức họp trực tuyến, họp lấy ý kiến qua điện thoại, qua Mail; thời gian, hình thức, trình tự họp vẫn phải được thực hiện đảm bảo theo quy định.

VII. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, điều 6, Phụ lục 5 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát)

1. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Ban kiểm soát Công ty có thể bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát khi đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.
- d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(Đề đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên ban kiểm soát theo các điểm a,b,c nêu trên sẽ được ban kiểm soát Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

Căn cứ nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty nêu trên, sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Thống nhất ủy quyền và giao cho Người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện hoàn thiện, ký, ban hành áp dụng Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Nội dung 13:

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ ngành nghề kinh Công ty cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật theo nội dung tại Tờ trình số 723/TTr-QNC ngày 19/05/2020, cụ thể như sau:

I. Sửa đổi, bổ sung chi tiết và hủy bỏ đăng ký ngành nghề kinh doanh như sau:

1. Ngành nghề cập nhật lại theo Quyết định số: 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

- Ngành nghề đã đăng ký:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510	
2	Xây dựng công trình công ích	4220	
3	Xây dựng nhà các loại	4100	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	
5	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	
6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621	
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221	
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395	
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730	

-Ngành nghề kinh doanh cập nhật lại theo QĐ 27/2018/QĐ-TTg

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh cập nhật lại	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất điện	3511	
2	Truyền tải và phân phối điện	3512	
3	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	

4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395	
6	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	

2. Bổ sung ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng nhà để ở	4101	
2	Xây dựng nhà không để ở	4102	
3	Xây dựng công trình điện	4221	
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
5	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
6	Xây dựng công trình thủy	4291	
7	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
8	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
10	Dịch vụ ăn uống khác	5629	
11	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222	
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	
14	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211	
13	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
16	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490	
17	Tái chế phế liệu	3830	
18	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	
19	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701	
20	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702	
21	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709	
22	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023	
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
24	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
25	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	
26	Đúc sắt, thép	2431	

27	Đúc kim loại màu	2432	
28	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591	
29	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
30	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593	
31	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	
32	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	
33	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210	

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Chuẩn bị mặt bằng: (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn)	4312	
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kho chứa hàng hóa thông thường)	5210	
3	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chỉ bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)	4661	
4	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không sản xuất các sản phẩm bị cấm theo quy định pháp luật)	2391	
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: (Không bán buôn các vật liệu, thiết bị bị cấm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và	4663	

	<i>Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.</i>		
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. <i>(Chỉ bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)</i>	4659	
7	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: <i>(không bao gồm kinh doanh dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện vận tải)</i>	7120	
8	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu: <i>(không sản xuất các hóa chất bị cấm theo quy định pháp luật)</i>	2029	
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : <i>(Chỉ kinh doanh trong phạm vi Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)</i>	6810	
10	Cung ứng lao động tạm thời <i>(không cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài)</i>	7820	
11	Truyền tải và phân phối điện <i>(ngoại trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia).</i>	3512	

4. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	Hủy bỏ do quy định tại QĐ Số: 27/2018/QĐ-TTg
2	Xây dựng công trình công ích	4220	
3	Xây dựng nhà các loại	4100	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	
6	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830	Hủy bỏ do Công ty không hoạt động KD ngành nghề này
7	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740	

II. Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi đã được sửa đổi, bổ sung:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
2	Sản xuất điện	3511
3	Truyền tải và phân phối điện (ngoại trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia).	3512
4	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5	Khai thác và thu gom than non	0520
6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình điện	4221
13	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19	Dịch vụ ăn uống khác	5629
20	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
22	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
23	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
24	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
25	Tái chế phế liệu	3830
26	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn)	4312
27	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
28	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kho chứa hàng hóa thông thường)	5210
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)	5229
30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chỉ bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan mà tổ chức	4661

	<i>kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)</i>	
31	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
32	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
33	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34	Sản xuất sản phẩm chịu lửa <i>(Không sản xuất các sản phẩm bị cấm theo quy định pháp luật)</i>	2391
35	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
36	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
37	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40	Bốc xếp hàng hóa <i>(không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)</i>	5224
41	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
42	Sửa chữa thiết bị điện	3314
43	Khai thác và thu gom than bùn	0892
44	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
47	Phá dỡ	4311
48	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
50	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>(Không bán buôn các vật liệu, thiết bị bị cấm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.)</i>	4663
52	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53	Dịch vụ ăn uống khác	5629
54	Sửa chữa thiết bị khác	3319
55	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
56	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
57	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

58	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (không bao gồm kinh doanh dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện vận tải)	7120
59	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
60	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
61	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (không sản xuất các hóa chất bị cấm theo quy định pháp luật)	2029
62	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chỉ kinh doanh trong phạm vi Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810
63	Cung ứng lao động tạm thời (không cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài)	7820
64	Cho thuê xe có động cơ	7710
65	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
66	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
67	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
68	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
69	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
72	Đúc sắt, thép	2431
73	Đúc kim loại màu	2432
74	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
75	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
76	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
77	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
78	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
79	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
80	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
81	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

Thông nhất ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thực hiện sửa đổi điều lệ hoạt động Công ty, thay đổi giấy Đăng ký kinh doanh và các thủ tục khác có liên quan theo quy định Điều lệ và pháp luật hiện hành.

Nội dung 14:

Liên quan đến việc chuyển nhượng (thoái vốn) toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh (theo Nghị quyết số 99/NQ-ĐHCD ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông năm 2018), Nay do tình hình và yêu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty. Thông nhất:

1. Dừng chuyển nhượng (thoái vốn) cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh.

2. Thông qua việc ủy quyền và giao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nghiên cứu, lựa chọn và quyết định phương án, mô hình đầu tư, chuyển đổi hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương Mại Sông Sinh cho phù hợp.

Nội dung 15:

Thông nhất ủy quyền và giao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nghiên cứu, lập đề án thay đổi tổng thể mô hình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của Công ty, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên họp gần nhất; Thời gian thực hiện từ năm 2020, thời gian hoàn thành trước năm 2025.

Nội dung 16:

Thông nhất thông qua ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thực hiện việc sửa đổi Điều lệ hoạt động Công ty, thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh, đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung số cổ phần phát hành tăng vốn và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật và điều lệ hiện hành của Công ty.

Nội dung 17:

Thông nhất miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 -2020, do hết thời gian của nhiệm kỳ, gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

I. Đối với Hội đồng quản trị:

1. Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT Công ty đối với Ông Đỗ Hoàng Phúc.
2. Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT Công ty đối với Ông Nguyễn Đình Tâm.
3. Miễn nhiệm chức vụ TV.HĐQT Công ty đối với Ông Tô Hoàng Hoàng.
4. Miễn nhiệm chức vụ TV.HĐQT Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Kiên.
5. Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty đối với Ông Vandara Din

II. Đối với Ban kiểm soát Công ty:

1. Miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát, thành viên BKS Công ty đối với Ông Trần Quang Tịnh.
2. Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS Công ty đối với Hoàng Nam Long.

Nội dung 18:

Thông nhất cơ cấu số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2020 -2025 cụ thể:

- + Hội đồng quản trị Công ty là: từ ba (ba) đến năm (5) thành viên;
- + Ban kiểm soát Công ty là: 03 (ba) thành viên.

Nội dung 19:

Thông qua tờ trình số: 722/TTr-NSĐH ngày 19/05/2020 về việc Danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025.

Nội dung 20:

Thông nhất thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025, gồm:

I. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025:

- 1....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 2....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 3....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 4....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 5....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

I. Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025:

- 1....., đã trúng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 2....., đã trúng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 3....., đã trúng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Nội dung 21:

Thông qua việc chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC) Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu – Hoàn Kiếm - Hà Nội – Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh năm 2020.

Nội dung 22:

Thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện:

1. Tiếp tục chủ động rà soát, đánh giá toàn bộ các nguồn lực tài sản, tài nguyên, khoáng sản, dự án cơ sở hạ tầng ... của Công ty, vốn góp, các khoản đầu tư của QNC tại các công ty con, các khoản đầu tư tài chính. Quyết định triển khai các phương án như đầu tư, bán, thanh lý, chuyển nhượng, hợp tác kinh doanh, cho thuê, chuyển nhượng (thoái vốn) tại các công ty con, ... nhằm tăng cường tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty và thực hiện báo cáo kết quả tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Thực hiện kiện toàn, bố trí, sắp xếp (miễn nhiệm/bỏ nhiệm) lại bộ máy tổ chức và nhân sự các cấp (từ Ban Tổng giám đốc trở xuống) đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình và yêu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Nội dung 23:

Thông nhất thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2020, không quá 1,5% lợi nhuận sau thuế (khi lũy kế kết quả kinh doanh năm 2020 không âm).

Nội dung 24:

Thông nhất thông qua việc Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát Công ty tiếp tục yêu cầu các đơn vị và cá nhân liên quan xử lý, giải quyết các tồn tại liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nội dung Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCD ngày 20/05/2019 và các Nghị quyết/quyết định/ yêu cầu của HĐQT Công ty trong năm 2019, năm 2020 theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Nội dung 25:

Thông nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành thay mặt Đại hội đồng Cổ đông toàn quyền quyết định và thực hiện một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội thường niên nhằm đáp ứng kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty (các nội dung thực hiện sẽ được báo cáo trong kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất).

Xin kính trình Đại hội đồng Cổ đông thương niên năm 2020 .

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Tô Ngọc Hoàng

Số: /NQ-ĐHCĐ

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 05 năm 2020

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số:68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/10/2007 và nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2015 và ngày 15/11/2016, ngày 04/01/2018 và ngày 29/06/2018;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh ngày 31/05/2020.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn các nội dung cụ thể như sau:

Nội dung 1:

Thông nhất thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kết quả SXKD giai đoạn 2015 -2019 gồm:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾT QUẢ NĂM 2019
1	Kết quả kinh doanh hợp nhất		
+	Tổng doanh thu	Đồng	1.388.642.963.204
+	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	73.567.484.421
+	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	73.501.246.865
2	Kết quả kinh doanh công ty mẹ	Đồng	
+	Tổng doanh thu	Đồng	1.387.617.209.210
+	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	73.503.847.125
+	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	Đồng	73.503.847.125
3	Nộp ngân sách	Đồng	50.228.590.809
4	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	8.900.000

2. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được (giai đoạn 2015 -2019)

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TỔNG SẢN LƯỢNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2019	SẢN LƯỢNG BÌNH QUÂN/NĂM
1	Tổng doanh thu	Đồng	5.457.483.073.086	1.091.496.614.617
2	Nộp ngân sách	Đồng	218.716.784.231	43.743.356.846
3	Thu nhập bình quân	Đồng	-	7.160.000

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 2:

Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty về kết quả hoạt động năm 2019, nhiệm kỳ 2015 -2020; phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 -2025.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 3:

Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2019, nhiệm kỳ 2015 -2020; phương hướng nhiệm vụ năm 2020 và nhiệm kỳ 2020 - 2025; Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2020.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 4:

Thông qua các nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty năm 2019 về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Nghị quyết HĐQT năm 2020 và các nội dung liên quan phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

(Nội dung chi tiết của Nghị quyết 2019 đã được Công ty thể hiện tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty và Báo cáo thường niên theo quy định).

Giao Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tiếp tục triển khai thực các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, 2019; các Nghị quyết HĐQT năm 2019, 2020 theo quy định.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 5:

Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 gồm:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2020:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng
1	Tổng doanh thu toàn công ty	đồng	1.500.000.000.000
2	Nộp ngân sách	đồng	50.000.000.000
3	Lương bình quân	đồng	9.000.000
4	Lợi nhuận SXKD trước thuế	đồng	28.876.000.000

2. Về kế hoạch chỉ tiêu các năm tiếp theo đến năm 2025:

Trên cơ sở những chỉ tiêu năm 2020, các năm tiếp theo phấn đấu mức tăng trưởng hàng năm từ 3 % đến 10 % / năm. Đến năm 2025 phấn đấu doanh thu đạt trên 1.700 tỷ đồng. Các chỉ tiêu khác tăng theo tỷ lệ tương ứng.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 6:

Thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ký ngày 31/03/2020 gồm Báo cáo tài chính riêng số: 310320.007/BCTC.KT5, Báo cáo tài chính hợp nhất số 310320.008/BCTC.KT5.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 7:

Thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS Công ty năm 2019:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 Công ty dự kiến chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế, mặc dù năm 2019 kết quả đã có lãi, tuy nhiên lũy kế đến hết năm 2019 lợi nhuận vẫn âm, do vậy thống nhất năm 2019 không thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS Công ty.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 8:

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ Công ty (theo tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ số: 724/TTr.HĐQT, ngày 19/05/2020).

Kết quả biểu quyết của Đại hội

<i>Tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Không tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Ý kiến khác:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết</i>

Nội dung 9:

Thông qua tờ trình số: 725/TTr-QNC ngày 19/05/2020 về việc Hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại sàn giao dịch Upcom.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

<i>Tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Không tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Ý kiến khác:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết</i>

Nội dung 10:

Thông qua chủ trương đầu tư nâng cấp cải tạo hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất Xi măng; nhằm nâng cao năng suất, tiết giảm chi phí, sản phẩm đảm bảo chất lượng, xanh, thân thiện gắn với bảo vệ môi trường gồm các nội dung:

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 500 (Năm trăm) tỷ đồng VNĐ;
- Thời gian thực hiện: Từ năm 2020 đến năm 2025.

Thông nhất ủy quyền và giao Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty lập phương án đầu tư và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

<i>Tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Không tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Ý kiến khác:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết</i>

Nội dung 11:

Liên quan đến Khu công nghiệp Cái Lân:

1. Thông qua việc chuyển giao toàn bộ quyền quản lý và sử dụng đất đối với diện tích 56,7 ha của Khu công nghiệp Cái Lân đến hết năm 2047 cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cái Lân (CLI) theo hợp đồng thuê đất giữa Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ninh. Việc chuyển đổi quyền thuê, quản lý và sử dụng phải đảm bảo theo đúng quy định hiện hành, đáp ứng đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

2. Thông qua việc ủy quyền cho CLI đại diện cho QNC làm việc với các Nhà đầu tư thứ cấp thuê đất trong KCN, UBND tỉnh Quảng Ninh, Ban kinh tế tỉnh, Cục thuế và các Sở ngành liên quan trong việc giải quyết các nghĩa vụ thuế, số tiền bị truy thu theo Kết luận của Thanh tra chính phủ (gồm có tiền đền bù GPMB và tiền lãi vay không được hỗ trợ).

3. Thông qua nội dung người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) ủy quyền cho người đại diện theo pháp luật CLI xử lý và giải quyết mọi quyền lợi của QNC tại KCN Cái Lân về đất đai,

bồi thường, GPMB và quyền lợi khác đối với các nhà đầu tư thứ cấp, chính quyền địa phương, các sở ban ngành tỉnh Quảng Ninh trong trường hợp di dời dự án.

4. Thông qua việc đồng ý cho CLI được nhận đền bù, hỗ trợ GPMB đối với Khu công nghiệp Cái Lân trong trường hợp KCN Cái Lân phải di chuyển theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước; Đồng ý cho CLI được toàn quyền tiếp nhận, đầu tư, quản lý, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật mà không phải phân chia lợi nhuận đối với KCN, CCN mới do tỉnh Quảng Ninh bố trí quỹ đất dành cho việc phải di dời KCN Cái Lân theo yêu cầu.

5. Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Công ty QNC tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên liên quan đến KCN đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

<i>Tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Không tán thành:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết.</i>
<i>Ý kiến khác:</i>	<i>cổ phần, đạt</i>	<i>% tổng cổ phần biểu quyết</i>

Nội dung 12:

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động Công ty và Quy chế quản trị Công ty cụ thể:

A. Sửa đổi bổ sung điều lệ hoạt động:

I. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 – Lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại Điều lệ cho phù hợp với nội dung đề nghị thay đổi như điều 1 của tờ trình số: 723/TTr-QNC, ngày 19/05/2020 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh:

II. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 của Điều lệ: (Đại hội đồng cổ đông)

5. Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể việc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến.

III. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 (Các cuộc họp HĐQT)

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể, các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị có thể được họp bằng hình thức họp trực tuyến, họp lấy ý kiến qua điện thoại, qua Mail ...; thời gian, hình thức, trình tự họp vẫn phải được thực hiện đảm bảo theo quy định.

IV. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 điều lệ (*Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông*)

1. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) một loại cổ phần phát hành;

n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

V. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 (*Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị*)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người, nhiều nhất là năm (5) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05)

năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

VI. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 30 (Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị)

Khoản 3 Điều 30:

c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

d. Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

o. Thông qua hợp đồng mua, bán vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

Khoản 4 Điều 30:

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 35% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

VII. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 16 (Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông)

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

e. Bầu, bổ nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc bầu, bổ nhiệm, bãi miễn và thay thế Tổng giám đốc điều hành theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Để đảm bảo hoạt động của HĐQT Công ty. Đại hội cổ đông ủy quyền và giao Hội đồng quản trị Công ty được quyền bầu, bổ nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

VIII. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 29: (Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị)

2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

(Để đảm bảo hoạt động của HĐQT Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên HĐQT theo các điểm a,b,c, d,e nêu trên sẽ được Hội đồng quản trị

Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

IX. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 31: (Chủ tịch Hội đồng quản trị)

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

X. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37: (Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành)

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ những trường hợp buộc phải do Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn; tổ chức và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

e. Quyết định số lượng người lao động trong toàn Công ty, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

i. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của công ty;

XI. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32: (Các cuộc họp của Hội đồng quản trị)

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp dự kiến, đảm bảo ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể, các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị có thể được họp bằng hình thức họp trực tuyến, họp lấy ý kiến qua điện thoại, qua Mail; thời gian, hình thức, trình tự họp vẫn phải được thực hiện đảm bảo theo quy định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất 02 (hai) người điều hành khác;

b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;

c. Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

XII. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 6 Điều 41: (Ban kiểm soát)

3. Kiểm soát viên bầu 01 người trong số họ làm trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Ban kiểm soát Công ty có thể bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát khi đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.

Trường hợp Trưởng ban kiểm soát Công ty từ chức hoặc bị bãi miễn, Ban kiểm soát phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

6. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó đủ điều kiện và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên hoặc bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Ban kiểm soát Công ty có thể bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát khi đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.
- f. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(Để đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên ban kiểm soát theo các điểm a,b,c, d,e nêu trên sẽ được Ban kiểm soát Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

XIII. Sửa đổi, bổ sung Điều 58: (Ngày hiệu lực)

1. Bản Điều lệ này gồm XX chương, 58 điều, 01 phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhất trí thông qua ngày 31 tháng 05 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn Điều lệ này. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Người Đại diện theo pháp luật hoặc tối thiểu hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

B. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty:

I. Sửa đổi khoản 4, khoản 5 Điều 7 của Quy chế quản trị nội bộ công ty (cuộc họp cổ đông thường niên và bất thường)

4. Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể, Công ty sẽ thực hiện áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

5. Hàng năm công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể việc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tuyến.

ĐHĐCĐ thường niên và bất thường không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

II. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 10 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là năm (5) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

III. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 12 quy chế (Thẩm quyền của Hội đồng quản trị)

2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% đến dưới 51% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

IV. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 44 của Quy chế (Ngày hiệu lực)

1. Quy chế này gồm 10 chương 45 Điều và 06 phụ lục được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh thống nhất thông qua ngày 31/05/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật Công ty hoặc người được ủy quyền.

V. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Phụ lục số 2 Quy chế (Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị)

(Để đảm bảo hoạt động của HĐQT Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên HĐQT theo các điểm a,b,c, d, nêu trên sẽ được Hội đồng quản trị Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên HĐQT, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

VI. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điều 4, Phụ lục 3 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT)

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể, các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị có thể được họp bằng hình thức họp trực tuyến, họp lấy ý kiến qua điện thoại, qua Mail; thời gian, hình thức, trình tự họp vẫn phải được thực hiện đảm bảo theo quy định.

VII. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, điều 6, Phụ lục 5 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty (về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát)

1. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Ban kiểm soát Công ty có thể bãi nhiệm Trưởng ban kiểm soát khi đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một thành viên mới thay thế.

d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(Để đảm bảo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, các trường hợp không còn tư cách thành viên ban kiểm soát theo các điểm a,b,c nêu trên sẽ được ban kiểm soát Công ty tổ chức họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát, sau đó báo cáo thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.)

Căn cứ nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty nêu trên, sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Thống nhất ủy quyền và giao cho Người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện hoàn thiện, ký, ban hành áp dụng Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.
 Không tán thành: cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.
 Ý kiến khác: cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết

Nội dung 13:

Thông qua việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ ngành nghề kinh Công ty cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và quy định của pháp luật theo nội dung tại Tờ trình số 723/TTr-QNC ngày 19/05/2020, cụ thể như sau:

I. Sửa đổi, bổ sung chi tiết và hủy bỏ đăng ký ngành nghề kinh doanh như sau:

1. Ngành nghề cập nhật lại theo Quyết định số: 27/2018/QĐ-TTg, ngày 06/07/2018 của Thủ tướng chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

- Ngành nghề đã đăng ký:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510	
2	Xây dựng công trình công ích	4220	
3	Xây dựng nhà các loại	4100	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	
5	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	
6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621	
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221	
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395	
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730	

-Ngành nghề kinh doanh cập nhật lại theo QĐ 27/2018/QĐ-TTg

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh cập nhật lại	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất điện	3511	
2	Truyền tải và phân phối điện	3512	
3	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
5	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395	

6	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
---	--	------	--

2. Bổ sung ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng nhà để ở	4101	
2	Xây dựng nhà không để ở	4102	
3	Xây dựng công trình điện	4221	
4	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
5	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
6	Xây dựng công trình thủy	4291	
7	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
8	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
10	Dịch vụ ăn uống khác	5629	
11	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222	
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120	
14	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211	
13	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212	
16	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490	
17	Tái chế phế liệu	3830	
18	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104	
19	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701	
20	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702	
21	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709	
22	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023	
23	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600	
24	Thu gom rác thải không độc hại	3811	
25	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821	
26	Đúc sắt, thép	2431	
27	Đúc kim loại màu	2432	
28	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591	
29	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592	
30	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593	
31	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	

32	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814	
33	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210	

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Chuẩn bị mặt bằng: (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn)	4312	
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kho chứa hàng hóa thông thường)	5210	
3	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chỉ bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)	4661	
4	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không sản xuất các sản phẩm bị cấm theo quy định pháp luật)	2391	
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: (Không bán buôn các vật liệu, thiết bị bị cấm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	4663	
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. (Chỉ bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản	4659	

	lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)		
7	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: (không bao gồm kinh doanh dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện vận tải)	7120	
8	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu: (không sản xuất các hóa chất bị cấm theo quy định pháp luật)	2029	
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê : (Chỉ kinh doanh trong phạm vi Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810	
10	Cung ứng lao động tạm thời (không cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài)	7820	
11	Truyền tải và phân phối điện (ngoại trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia).	3512	

4. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	Hủy bỏ do quy định tại QĐ Số: 27/2018/QĐ-TTg
2	Xây dựng công trình công ích	4220	
3	Xây dựng nhà các loại	4100	
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290	
5	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012	
6	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830	Hủy bỏ do Công ty không hoạt động KD ngành nghề này
7	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740	

II. Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi đã được sửa đổi, bổ sung:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
2	Sản xuất điện	3511
3	Truyền tải và phân phối điện (ngoại trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia).	3512
4	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5	Khai thác và thu gom than non	0520

6	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
8	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
10	Xây dựng nhà để ở	4101
11	Xây dựng nhà không để ở	4102
12	Xây dựng công trình điện	4221
13	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
14	Xây dựng công trình công ích khác	4229
15	Xây dựng công trình thủy	4291
16	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
17	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19	Dịch vụ ăn uống khác	5629
20	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
22	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
23	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
24	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
25	Tái chế phế liệu	3830
26	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn)	4312
27	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
28	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Kho chứa hàng hóa thông thường)	5210
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)	5229
30	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chỉ bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được phép bán buôn theo quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)	4661
31	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
32	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
33	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34	Sản xuất sản phẩm chịu lửa (Không sản xuất các sản phẩm bị cấm theo quy định pháp luật)	2391

35	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
36	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
37	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40	Bốc xếp hàng hóa (không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
41	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
42	Sửa chữa thiết bị điện	3314
43	Khai thác và thu gom than bùn	0892
44	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
47	Phá dỡ	4311
48	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
50	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không bán buôn các vật liệu, thiết bị bị cấm theo Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	4663
52	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
53	Dịch vụ ăn uống khác	5629
54	Sửa chữa thiết bị khác	3319
55	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
56	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
57	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
58	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (không bao gồm kinh doanh dịch vụ kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho các phương tiện vận tải)	7120
59	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
60	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
61	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu (không sản xuất các hóa chất bị cấm theo quy định pháp luật)	2029
62	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chỉ kinh doanh trong phạm vi Khoản 3 Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014)	6810
63	Cung ứng lao động tạm thời (không cung ứng lao động đi làm việc ở nước ngoài)	7820

64	Cho thuê xe có động cơ	7710
65	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
66	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
67	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
68	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
69	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
70	Thu gom rác thải không độc hại	3811
71	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
72	Đúc sắt, thép	2431
73	Đúc kim loại màu	2432
74	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
75	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
76	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
77	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
78	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
79	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
80	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
81	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

Thống nhất ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thực hiện sửa đổi điều lệ hoạt động Công ty, thay đổi giấy Đăng ký kinh doanh và các thủ tục khác có liên quan theo quy định Điều lệ và pháp luật hiện hành.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 14:

Liên quan đến việc chuyển nhượng (thoái vốn) toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh (theo Nghị quyết số 99/NQ-ĐHCD ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông năm 2018), Nay do tình hình và yêu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty. Thống nhất:

1. Dừng chuyển nhượng (thoái vốn) cổ phần của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh.

2. Thông qua việc ủy quyền và giao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nghiên cứu, lựa chọn và quyết định phương án, mô hình đầu tư, chuyển đổi hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thương mại Sông Sinh cho phù hợp.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
 Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 15:

Thông nhất ủy quyền và giao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nghiên cứu, lập đề án thay đổi tổng thể mô hình tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC) cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tế của Công ty, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên họp gần nhất; Thời gian thực hiện từ năm 2020, thời gian hoàn thành trước năm 2025.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Không tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Ý kiến khác:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết

Nội dung 16:

Thông nhất thông qua ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thực hiện việc sửa đổi Điều lệ hoạt động Công ty, thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh, đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung số cổ phần phát hành tăng vốn và các thủ tục khác có liên quan theo quy định của pháp luật và điều lệ hiện hành của Công ty.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Không tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Ý kiến khác:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết

Nội dung 17:

Thông nhất miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 -2020, do hết thời gian của nhiệm kỳ, gồm các Ông/Bà có tên sau đây:

I. Đối với Hội đồng quản trị:

1. Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT Công ty đối với Ông Đỗ Hoàng Phúc.
2. Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT Công ty đối với Ông Nguyễn Đình Tâm.
3. Miễn nhiệm chức vụ TV.HĐQT Công ty đối với Ông Tô Hoàng Hoàng.
4. Miễn nhiệm chức vụ TV.HĐQT Công ty đối với Ông Nguyễn Văn Kiên.
5. Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty đối với Ông Vandara Din

II. Đối với Ban kiểm soát Công ty:

1. Miễn nhiệm chức vụ Trưởng ban kiểm soát, thành viên BKS Công ty đối với Ông Trần Quang Tịnh.
2. Miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS Công ty đối với Hoàng Nam Long.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Không tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Ý kiến khác:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết

Nội dung 18:

Thông nhất cơ cấu số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2020 -2025 cụ thể:

- + Hội đồng quản trị Công ty là: từ ba (ba) đến năm (5) thành viên;
- + Ban kiểm soát Công ty là: 03 (ba) thành viên.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Không tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Ý kiến khác:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết

Nội dung 19:

Thông qua tờ trình số: 722/TTr-NSĐH ngày 19/05/2020 về việc Danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu thành viên HĐQT, BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 -2025.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Không tán thành:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết.
Ý kiến khác:	cổ phần, đạt	% tổng cổ phần biểu quyết

Nội dung 20:

Thông nhất thông qua kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025, gồm:

I. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025:

- 1....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 2....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 3....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 4....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 5....., đã trúng cử thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

I. Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025:

- 1....., đã trúng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 2....., đã trúng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.
- 3....., đã trúng cử thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025, với số phiếu đạt%/ tổng số cổ phiếu biểu quyết dự họp.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 21:

Thông qua việc chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán (AASC) Trụ sở chính: Số 1 Lê Phụng Hiểu – Hoàn Kiếm - Hà Nội – Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh năm 2020.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 22:

Thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện:

1. Tiếp tục chủ động rà soát, đánh giá toàn bộ các nguồn lực tài sản, tài nguyên, khoáng sản, dự án cơ sở hạ tầng ... của Công ty, vốn góp, các khoản đầu tư của QNC tại các công ty con, các khoản đầu tư tài chính. Quyết định triển khai các phương án như đầu tư, bán, thanh lý, chuyển nhượng, hợp tác kinh doanh, cho thuê, chuyển nhượng (thoái vốn) tại các công ty con, ... nhằm tăng cường tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đem lại hiệu quả kinh tế cho Công ty và thực hiện báo cáo kết quả tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Thực hiện kiện toàn, bố trí, sắp xếp (miễn nhiệm/bỏ nhiệm) lại bộ máy tổ chức và nhân sự các cấp (từ Ban Tổng giám đốc trở xuống) đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với mô hình và yêu cầu sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 23:

Thông nhất thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2020, không quá 1,5% lợi nhuận sau thuế (khi lũy kế kết quả kinh doanh năm 2020 không âm).

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 24:

Thông nhất thông qua việc Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát Công ty tiếp tục yêu cầu các đơn vị và cá nhân liên quan xử lý, giải quyết các tồn tại liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nội dung Nghị quyết số 19/NQ-ĐHCD ngày 20/05/2019 và các Nghị quyết/quyết định/ yêu cầu của HĐQT Công ty trong năm 2019, năm 2020 theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Nội dung 25:

Thông nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành thay mặt Đại hội đồng Cổ đông toàn quyền quyết định và thực hiện một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội thường niên nhằm đáp ứng kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty (*các nội dung thực hiện sẽ được báo cáo trong kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất*).

Kết quả biểu quyết của Đại hội

Tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Không tán thành: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết.*
Ý kiến khác: *cổ phần, đạt % tổng cổ phần biểu quyết*

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Trưởng các phòng ban, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HĐQT;VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY**

Đỗ Hoàng Phúc